

ĐỀ CƯƠNG
GIỮA HỌC KỲ I CÁC MÔN KHỐI 9 NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN TOÁN

I. Lý thuyết:

1. Đại số: Ôn tập các nội dung:

- Khái niệm căn bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = |A|$
- Liên hệ giữa phép nhân, phép chia với phép khai phương.
- Các phép biến đổi căn bậc hai.
- Căn bậc ba

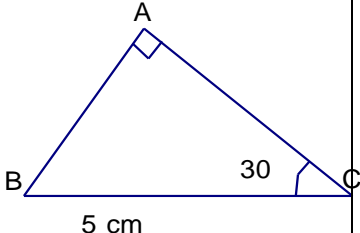
2. Hình học:

- Hệ thức giữa cạnh và đường cao trong tam giác vuông.
- Tỷ số lượng giác của góc nhọn.
- Hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.

II. Bài tập:

I. Phần trắc nghiệm: Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

1.	Biểu thức $\sqrt{x-3}$ có điều kiện xác định là: A. $x < 3$ B. $x \geq 3$ C. $x \neq 3$ D. $x \leq 3$
2.	Kết quả rút gọn biểu thức $M = \sqrt{x^2 - 2x + 1} + x - 1$ là: A. $2x - 2$ B. 0 C. $2x - 2$ hoặc 0 D. $x^2 + x$
3.	Biểu thức $A = \sqrt{8+2\sqrt{7}} - \sqrt{8-2\sqrt{7}}$ có giá trị là: A. $2\sqrt{7}$ B. -2 C. 2 D. -2
4.	Kết quả phép tính $\sqrt{\sqrt{5}+1} \cdot \sqrt{\sqrt{5}-1}$ là: A. ± 2 B. 4 C. 2 D. 2
5.	Phương trình $\sqrt{x+2} - \sqrt{5-2x} = 0$ có tập nghiệm là : A. $S = \{ 1; -2 \}$ B. $S = \{ 1 \}$ C. $S = \{ -1 \}$ D. $S = \emptyset$
6.	Khi $x = 4$, biểu thức $\sqrt{x+5} - \sqrt{x-3}$ có giá trị là: A. 2 B. 8 C. 4 D. -2
7.	Kết quả rút gọn biểu thức $\sqrt[3]{(x-3)^3} + \sqrt{(3-x)^2}$ là: A. 0 B. $6 - 2x$ C. $2x - 6$ D. 0 hoặc $2x - 6$
8.	Cho biểu thức $M = \sqrt{12} - 2(\sqrt{3} - \sqrt{2}) - \frac{4}{\sqrt{2}}$ Kết quả rút gọn biểu thức M= A. 4 B. 2 C. $-2\sqrt{2}$ D. 0
9.	Cho các biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}}$ với $x > 0$. Khi $x=4$ thì A= A. 1 B. -1 C. 0 D. 2
10.	Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. $AB = 3\text{cm}$. $AC = 4\text{cm}$. Độ dài BC bằng:

	A. 7cm B. 3,5cm C. 5cm D. 12cm
11.	Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. AB = 3cm. AC = 4cm. Độ dài AH bằng: A. 2,4cm B. 2cm C. 2,5cm D. 1,4cm
12.	Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. AB = 3cm. AC = 4cm. Kẻ HK vuông góc với AB, kẻ HI vuông góc với AC Tìm câu khẳng định đúng: A. $AH^2 = BH \cdot BC$ B. $HI^2 + IC^2 = AH^2$ C. $BH \cdot HC = BK \cdot KA$ D. $AK \cdot AB = AI \cdot AC$
13.	Cho tứ giác ABCD có AC vuông góc với BD. Biết AB = 2 ; CD = 5. Ta có $AD^2 + BC^2$ bằng: A. 14 B. 29 C. 100 D. 49
14.	Cho hình thang ABCD có $\hat{A} = \hat{D} = 90^0$. Đường chéo BD vuông góc với cạnh bên BC. Biết AD = 12cm ; BC = 15cm. Độ dài AB là: A. 9cm B. 16cm C. 12cm D. Kết quả khác
15.	Cho α là góc nhọn, hệ thức nào sau đây là đúng: A. $\sin^2 \alpha - \cos^2 \alpha = 1$ B. $\tan \alpha = \frac{\cos \alpha}{\sin \alpha}$ C. $\sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = 1$ D. $\cot \alpha = \frac{\sin \alpha}{\cos \alpha}$
16.	Đẳng thức nào sau đây là đúng: A. $\sin 50^0 = \cos 30^0$ B. $\tan 40^0 = \cot 60^0$ C. $\cot 50^0 = \tan 45^0$ D. $\sin 58^0 = \cos 32^0$
17.	Cho tam giác ABC vuông tại A có BC = 5cm, $C = 30^0$ (Hình 3) , trường hợp nào sau đây là đúng: A. AB = 2,5 cm B. $AB = \frac{5\sqrt{3}}{2}$ cm C. $AC = 5\sqrt{3}$ cm D. $AC = \frac{5\sqrt{3}}{3}$ cm.
	Hình 3 
18.	Cho ΔABC , $A = 90^0$, $B = 58^0$, cạnh BC = 72 cm. Độ dài của cạnh AC xấp xỉ bằng : A. 59cm B. 60cm C. 61cm D. 62cm
19.	Độ dài đường cao của tam giác đều cạnh a bằng: A. $a\sqrt{3}$ B. $\frac{a}{\sqrt{3}}$ C. $\frac{a\sqrt{3}}{3}$ D. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$

II. TỰ LUẬN

Đại số:

Dạng 1: So sánh

- a) $\sqrt{25+16}$ và $\sqrt{25}+\sqrt{16}$ b) $2\sqrt{5}$ và $5\sqrt{2}$
 c) $\sqrt{3}-1$ và 1 d) $\sqrt{5}+1$ và 3
 e) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: $3\sqrt{2}$; $2\sqrt{3}$; $-4\sqrt{10}$; 4 .

Dạng 2: Thực hiện phép tính – Rút gọn biểu thức

- 1) $\sqrt{(1-\sqrt{2})^2} - \sqrt{(1+\sqrt{2})^2}$; $\sqrt{(3-\sqrt{5})^2} + \sqrt{(3+\sqrt{5})^2}$; $\sqrt{11+6\sqrt{2}} - \sqrt{3-2\sqrt{2}}$
 2) $\sqrt{81.49} + \sqrt{50}.\sqrt{2}$; $\sqrt{0,4}.\sqrt{0,81}.\sqrt{1000}$; $(15\sqrt{200} - 3\sqrt{450} + 2\sqrt{50}) : \sqrt{10}$;
 3) $(2\sqrt{7} + 5\sqrt{3})\sqrt{3} - \sqrt{84}$; $\sqrt{75} + \sqrt{48} - \sqrt{300}$; $(\sqrt{3} + \sqrt{2})^2 + (\sqrt{3} - \sqrt{2})^2$;
 4) $\frac{1}{2 + \sqrt{3}} + \frac{1}{2 - \sqrt{3}}$; $\frac{1}{\sqrt{2} - \sqrt{3}} + \frac{1}{\sqrt{2} + \sqrt{3}}$; $\frac{(5\sqrt{3} + \sqrt{50}) \cdot (5 - \sqrt{24})}{\sqrt{75} - 5\sqrt{2}}$; $2y^2 \sqrt{\frac{x^4}{4y^2}}$
 5) $\sqrt[3]{-64}$; $\sqrt[3]{27} - \sqrt[3]{64} + 2\sqrt[3]{8}$; $\sqrt[3]{216} - \sqrt[3]{-27}$

Dạng 3: Tìm x

- 1) $\sqrt{9x^2 - 12x + 4} = 3$ 2) $\frac{x - \sqrt{x}}{\sqrt{x} + 1} = \frac{3}{2}$ 3) $\frac{x + 2\sqrt{x}}{\sqrt{x} - 1} = 8$
 4) $x - \sqrt{x + 9} = 3$ 5) $\sqrt{x^2 - 6x + 9} + 3 = 2x$
 6) $3\sqrt{4x + 8} - \frac{2}{3}\sqrt{9x + 18} + \frac{3}{5}\sqrt{25x + 50} = 14$
 7) $\sqrt{x - 2} + \sqrt{x^2 - 4} = 0$ 8) $\sqrt{x - 3} - \sqrt{x^2 - x - 6} = 0$.

Dạng 4 : Giá trị lớn nhất , Giá trị nhỏ nhất**Bài 13 : Tìm x để các biểu thức sau đạt giá trị nhỏ nhất , tìm GTNN đó**

- a/ $A = \sqrt{x - 4} - 2$ b/ $B = x - 4\sqrt{x} + 10$
 c/ $C = x - \sqrt{x}$ d/ $D = \sqrt{x^2 - 2x + 4} + 1$

Bài 14 : Tìm x để các biểu thức sau đạt giá trị lớn nhất , tìm GTLN đó

- a/ $M = \sqrt{3} - \sqrt{x - 1}$ b/ $N = 6\sqrt{x} - x - 1$ c/ $P = \frac{1}{x - \sqrt{x} + 1}$

Dạng 5 : Tìm giá trị nguyên của một biểu thức**Bài 15: Tìm các giá trị nguyên của x để các biểu thức sau có giá trị nguyên**

- a/ $A = \frac{x + 2}{x - 5}$ b/ $B = \frac{3x + 1}{2 - x}$ c/ $C = \frac{\sqrt{x} + 3}{\sqrt{x} - 2}$ d/ $D = \frac{2\sqrt{x} - 1}{\sqrt{x} + 3}$

Dạng 6: Bài toán tổng hợp

<p>Bài 1: Cho hai biểu thức: $A = \frac{\sqrt{x} + 2}{\sqrt{x}}$ và $B = \frac{x}{x - 4} + \frac{1}{\sqrt{x} - 2} + \frac{1}{\sqrt{x} + 2}$ với $x > 0$, $x \neq 4$.</p> <p>1. Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 25$;</p> <p>2. Rút gọn biểu thức B;</p>	<p>Bài 4: Cho biểu thức $Q = \frac{3x - 3\sqrt{x} - 3}{x + \sqrt{x} - 2} - \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} + 2} + \frac{\sqrt{x} - 2}{1 - \sqrt{x}}$. Với $x \geq 0, x \neq 1$</p> <p>1. Rút gọn Q;</p> <p>2. Tính giá trị của Q khi $x = 4 + 2\sqrt{3}$</p>
---	---

<p>3. Cho $M = A.B$. Tìm x để $M > M$.</p>	<p>3. Tìm các giá trị của x để $Q = \frac{1}{3}$;</p>
<p>Bài 2: Cho biểu thức</p> $Q = \left(\frac{1}{\sqrt{x}-1} - \frac{1}{\sqrt{x}} \right) : \left(\frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-2} - \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-1} \right) \quad x \neq 4 \text{ và } x \neq 1.$ <p>a) Rút gọn biểu thức Q với $x > 0$;</p> <p>b) Tìm giá trị của x để Q nhận giá trị dương .</p>	<p>Bài 5: Cho biểu thức:</p> $A = \left(\frac{\sqrt{a}}{\sqrt{a}-3} + \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{a}+3} \right) : \frac{\sqrt{a}}{a-9} \quad (a > 0; a \neq 9)$ <p>a) Chứng minh: $A = 2\sqrt{a}$</p> <p>b) Với giá trị nào của a thì $A = 3\sqrt{a} - 4$</p>
<p>Bài 3:</p> <p>1) Cho biểu thức: $A = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1} \quad (x \geq 0; x \neq 1)$. Tính giá trị của A với $x = \frac{1}{9}$</p> <p>2) Rút gọn $B = \left(\sqrt{x} - \frac{3x+1}{x+3\sqrt{x}} \right) \cdot \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-1} \quad (x > 0; x \neq 1)$</p> <p>3) Tìm giá trị nhỏ nhất của $P = A.B$</p>	<p>Bài 6: Cho biểu thức</p> $A = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3} + \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-3} + \frac{3-11\sqrt{x}}{9-x}; \quad B = \frac{\sqrt{x}-3}{\sqrt{x}+1}$ <p>với $0 \leq x \neq 9$.</p> <p>1. Tính giá trị B tại $x = 36$;</p> <p>2. Rút gọn A;</p> <p>3. Tìm các số nguyên x để giá trị của biểu thức $P = A.B$ là số nguyên.</p>

HÌNH HỌC

Bài 1: Cho ΔDEF biết $DE = 6 \text{ cm}$, $DF = 8 \text{ cm}$, $EF = 10 \text{ cm}$

- Chứng minh ΔDEF là tam giác vuông
- Vẽ đường cao DK . Tính DK , FK và Giải Δ vuông EDK
- Vẽ phân giác DM (M thuộc EF). Tính các độ dài ME , MF .

Bài 2: Cho tam giác ABC vuông tại A . Từ trung điểm E của cạnh AC kẻ EF vuông góc với BC tại F .

- Cho $BC = 20 \text{ cm}$, $\sin C = 0,6$. Giải tam giác ABC .
- Chứng minh rằng: $AC^2 = 2CF.CB$.
- Chứng minh: $AF = BE \cdot \cos C$.

Bài 3: Cho hình thang $ABCD$ ($AB \parallel CD$) có góc $D = 50^\circ$, góc $C = 36^\circ$, $AB = 4 \text{ cm}$, $AD = 6 \text{ cm}$.

- Tính đường cao AH của hình thang.
- Tính BC và chu vi hình thang $ABCD$

Bài 4: Cho hình chữ nhật $ABCD$ có $AB = 4 \text{ cm}$; $BC = 3 \text{ cm}$. Kẻ BH vuông góc với AC tại H , tia BH cắt đường thẳng AD ở E .

- Tính AC , BH và BAC
- Từ E kẻ đường thẳng vuông góc BC tại F . Chứng minh: $BH \cdot BE = AH \cdot AC$

Bài 5. Cho ΔABC có $AB = 4,5 \text{ cm}$, $AC = 6 \text{ cm}$, $BC = 7,5 \text{ cm}$

- Chứng minh ΔABC vuông

- Tính góc B, C; độ dài HB, HC và đường cao AH.
- Gọi E, F lần lượt là hình chiếu của H trên AB, AC. Chứng minh $AE \cdot AB = AF \cdot AC$.
- Chứng minh $\angle BEF + \angle ACB = 180^\circ$.
- Gọi O là trung điểm BC. Chứng minh: OA vuông góc với EF.

Bài 6: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A, đường cao AH. Gọi E, F lần lượt là hình chiếu của H trên AB, AC.

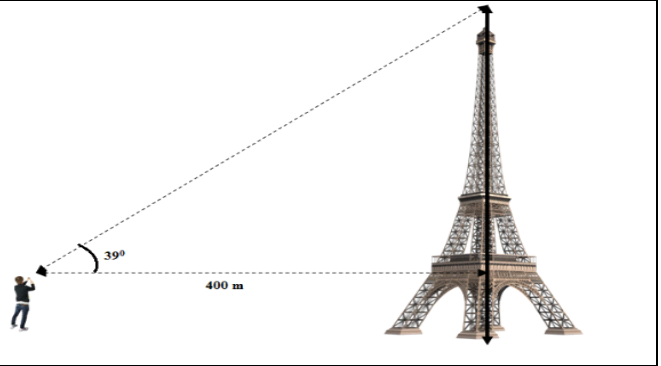
- Cho $AB=9\text{cm}, BH=5,4\text{cm}$. Tính các cạnh AC, BC, AH, FE, $\angle ABC, \angle HAC$ (làm tròn đến độ)?
- Tính diện tích AEHF; tam giác AEF?
- CMR: $AE \cdot AB = AF \cdot AC = HB \cdot HC$; $BC = AB \cdot \cos B + AC \cdot \cos C$
- CMR: $\frac{1}{EF^2} = \frac{1}{AB^2} + \frac{1}{AC^2}$

e) CMR: $EA \cdot EB + FA \cdot FC = HB \cdot HC$

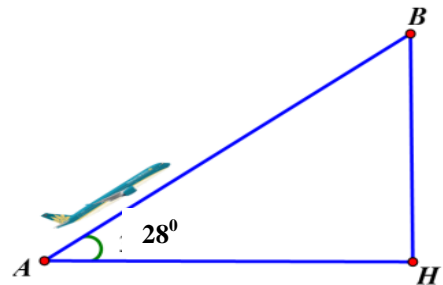
Phần III: BÀI TOÁN THỰC TẾ:

Bài 1. Các tia nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc xấp xỉ bằng 40° và bóng của cột cờ trên mặt đất dài 15m. Chiều cao của cột cờ

Bài 2: Một người có mắt cách mặt đất 1,4m, đứng cách tháp Eiffel 400m nhìn thấy đỉnh tháp với góc nâng 39° . Tính chiều cao của tháp (làm tròn đến mét).



Bài 3. Một chiếc máy bay bay lên với vận tốc 320km/h. Đường bay lên tạo với phương nằm ngang một góc 28° (hình bên). Hỏi sau 1,5 phút máy bay bay lên cao được bao nhiêu km so với mặt đất? (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ hai)



MÔN HÓA HỌC

PHẦN I: LÝ THUYẾT

- Phân loại, tính chất hóa học chung của 4 loại hợp chất vô cơ (oxit, axit, bazơ, muối) và mối quan hệ giữa chúng.
- Tính chất hóa học, điều chế các hợp chất quan trọng: CaO, SO₂, H₂SO₄, NaOH, Ca(OH)₂.
- Thực hành: Tính chất hoá học của bazơ - muối (chú ý hiện tượng phản ứng).

PHẦN II: BÀI TẬP

I. Xem lại các bài tập trong SGK lớp 9 (Hết phần chương I)

II. Bài tập luyện thêm:

A. Trắc nghiệm:

Câu 1: Cặp chất nào sau đây tác dụng với dung dịch H₂SO₄ giải phóng khí hiđro?

- A. Fe, Mg. B. CaO, Fe. C. NaOH, Ca(OH)₂. D. Ag, Cu.

Câu 2: Cho các bazơ sau: NaOH, Mg(OH)₂, Al(OH)₃, Ba(OH)₂, Cu(OH)₂. Số bazơ bị nhiệt phân hủy là

- A. 4. B. 5. C. 3. D. 6.

Câu 3: Chất nào sau đây là muối?

- A. Na₂CO₃. B. KOH. C. P₂O₅. D. H₂SO₄.

Câu 4: Để nhận biết axit sunfuric và dung dịch muối sunfat, ta dùng thuốc thử là

- A. dung dịch Na₂SO₄. B. dung dịch NaCl.
C. dung dịch KCl. D. dung dịch BaCl₂.

Câu 5: Nhóm chất làm quì tím chuyển sang màu đỏ là

- A. HCl, HNO₃, H₃PO₄, H₂SO₄. B. KOH, NaOH, Ca(OH)₂, Ba(OH)₂.
C. HCl, KOH, H₂SO₃, H₂SO₄. D. HCl, K₂SO₄, HNO₃, H₃PO₄.

Câu 6: Dãy gồm các oxit tác dụng với dung dịch bazơ là

- A. CO₂, Fe₂O₃, PbO. B. CO₂, CuO, Na₂O.
C. FeO, N₂O₅, P₂O₅ D. SO₃, P₂O₅, CO₂.

Câu 7: Ngâm một đinh sắt sạch trong dung dịch đồng (II) sunfat. Hiện tượng quan sát được là

- A. kim loại đồng màu đỏ bám ngoài đinh sắt.
B. một phần đinh sắt bị hòa tan, kim loại đồng bám bên ngoài đinh sắt và màu xanh lam của dung dịch nhạt dần.
C. không có chất mới nào sinh ra, chỉ có một phần đinh sắt bị hòa tan.
D. không có hiện tượng nào xảy ra.

Câu 8: Dãy chất gồm các oxit tác dụng được với axit là

- A. FeO, K₂O, P₂O₅. B. CuO, Na₂O, K₂O.
C. P₂O₅, Fe₂O₃, CuO. D. BaO, Fe₂O₃, NO₂.

Câu 9: Oxit nào dưới đây tác dụng được với nước?

- A. Fe₂O₃. B. CuO. C. SiO₂. D. SO₃.

Câu 10: Chất nào dưới đây tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng tạo thành muối và nước?

- A. CO₂. B. Ag. C. NaOH. D. Na₂SO₄.

Câu 11: Cho các chất sau: Fe₂O₃, Mg, NaOH, Ag, CaO, SO₂. Số chất tác dụng được với dung dịch HCl là

- A. 6. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 12: Dung dịch muối CuSO₄ có thể phản ứng với dãy chất nào sau đây?

- A. H₂O, CO₂, HCl. B. S, Fe, KOH.
C. MgO, HCl, BaCl₂. D. NaOH, BaCl₂, Zn.

Câu 13: Hòa tan 12,6 gam natri sunfit vào dung dịch axit clohidric dư. Thể tích khí SO₂ thu được ở đktc là

- A. 2,24 lít. B. 3,36 lít. C. 1,12 lít. D. 4,48 lít.

Câu 14: Cho 500 ml dung dịch NaCl 2M tác dụng với 600 ml dung dịch AgNO₃ 2M. Khối lượng kết tủa thu được là

- A. 143,5 g. B. 14,35 g. C. 157,85 g. D. 15,785 g.

Câu 15: Cho 200g dung dịch KOH 5,6% vào dung dịch CuCl₂ dư, sau phản ứng thu được lượng chất kết tủa là

- A. 19,6 g. B. 9,8 g. C. 4,9 g. D. 17,4 g.

B. Tư luận:

Bài 1 :

Hoàn thành các PTHH sau:	
1. CO ₂ + ... → Na ₂ CO ₃ + ...	6. Fe + ... → FeCl ₂ + ...
2. BaO + ... → Ba(NO ₃) ₂ + ...	7. CuCl ₂ + ... → Cu(OH) ₂ + ...

3. $P_2O_5 + \dots \longrightarrow Na_3PO_4 + \dots$	8. $Na_2SO_4 + \dots \longrightarrow NaCl + \dots$
4. $KOH + \dots \longrightarrow K_2SO_4 + \dots$	9. $NaCl + \dots \xrightarrow{?} NaOH + \dots + \dots$
5. $CaCO_3 + \dots \longrightarrow CaCl_2 + \dots + \dots$	10. $AgNO_3 + \dots \longrightarrow Ba(NO_3)_2 + \dots$

Bài 2: Cho các chất sau: Cu, CuO, Mg(OH)₂, SO₃, Na₂CO₃, KOH, Fe. Những chất nào tác dụng được với:

a. Dung dịch HCl. b. Dung dịch NaOH. c. Dung dịch CuCl₂.

Viết PTHH của các phản ứng xảy ra (nếu có)

Bài 3: Nhận biết: a. 4 dung dịch: NaCl, HCl, Na₂SO₄, KOH.

b. 3 chất rắn màu trắng: CaO, P₂O₅, Na₂O.

Bài 4: Hoà tan hoàn toàn 32,5g hỗn hợp gồm Zn, Cu vào 400ml dung dịch HCl 2M, sau khi phản ứng xong thu được 6,72 lít khí ở ĐKTC.

a. Viết các PTHH các phản ứng xảy ra (nếu có).

b. Tính thành phần % theo khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp trên.

c. Tính C_M các chất có trong dung dịch sau phản ứng (coi thể tích dung dịch không thay đổi).

Bài 5: Trung hòa 500 ml dung dịch H₂SO₄ 1M bằng dung dịch KOH 25%.

a. Viết PTHH của phản ứng.

b. Tính khối lượng dung dịch KOH cần dùng.

c. Tính khối lượng muối tạo thành sau phản ứng.

MÔN VẬT LÝ

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1) Phát biểu và viết công thức định luật Ôm. Giải thích các kí hiệu và đơn vị có trong công thức đó?

2) Viết các công thức tính R_{AB}, I_{AB}, U_{AB} trong đoạn mạch nối tiếp và đoạn mạch song song.

3) Điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào những yếu tố nào? Viết công thức diễn tả sự phụ thuộc đó, giải thích các kí hiệu và đơn vị đo trong công thức đó?

Nêu các cách xác định điện trở của một dây dẫn đã học

4) Biến trở: phân loại, kí hiệu, dùng biến trở để điều chỉnh cường độ dòng điện qua mạch.

5) Công và công suất của dòng điện: Khái niệm, công thức, đơn vị. Nêu cách xác định công suất của một bóng đèn bằng am pe kế và vôn kế.

6) Nêu ý nghĩa của số liệu ghi trên dụng cụ điện?

Phần 2. Bài tập tham khảo

I. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Đặt một hiệu điện thế U_{AB} vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở R₁ và R₂ mắc nối tiếp.

Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở và cường độ dòng điện chạy qua chúng là U₁, I₁, U₂, I₂. Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. $I_{AB} = I_1 + I_2$ B. $\frac{U_1}{R_1} = \frac{U_2}{R_2}$ C. $\frac{U_1 + U_2}{R_1 + R_2} = \frac{U_1}{R_1}$ D. $R_{AB} = R_1 + R_2$.

Câu 2: Mắc nối tiếp hai điện trở R₁ = 0.5.R₂ vào hiệu điện thế U = 12V. Hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở R₁ bằng

- A. 12V B. 4V C. 6V D. 8V

Câu 3: Đặt một hiệu điện thế U = 12V vào hai đầu đoạn mạch gồm ba điện trở R₁ = 3Ω; R₂ = 1Ω; R₃ = 2Ω mắc nối tiếp. Hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở R₂ bằng

- A. 6V B. 2V C. 4V D. 8V

Câu 4: Đối với mỗi dây dẫn thương số $\frac{U}{I}$ có giá trị:

- A. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế U. C. không đổi.
B. tỉ lệ nghịch với cường độ dòng điện I. D. cả A và B đều đúng.

Câu 5: Tìm câu đúng về cách đọc và kí hiệu của đơn vị của điện trở:

- A. Ôm nhân mét kí hiệu là $\Omega.m$. C. Rô kí hiệu là ρ .
B. Ôm chia mét, kí hiệu là Ω / m . D. Ôm kí hiệu là Ω .

Câu 6: Chọn câu trả lời đúng. Trong đoạn mạch song song:

- A. Điện trở tương đương bằng tổng các điện trở thành phần.
B. Điện trở tương đương bằng mỗi điện trở thành phần.
C. Nghịch đảo của điện trở tương đương bằng tổng các nghịch đảo của mỗi điện trở thành phần.
D. Nghịch đảo của điện trở tương đương bằng tổng các điện trở thành phần.

Câu 7: Cho đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 song song. Gọi I_1 và I_2 lần lượt là cường độ dòng điện chạy qua R_1 và R_2 . Hệ thức nào sau đây là đúng?

- A. $\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_1}{R_2}$ B. $\frac{I_1}{R_1} = \frac{I_2}{R_2}$ C. $\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_2}{R_1}$ D. $\frac{R_2}{I_2} = \frac{R_1}{I_1}$

Câu 8: Số đếm của công tơ điện ở gia đình cho biết:

- A. Thời gian sử dụng điện của gia đình. B. Điện năng mà gia đình đã sử dụng.
C. Công suất điện mà gia đình sử dụng. D. Số dụng cụ và thiết bị điện đang sử dụng.

Câu 9: Một biến trở con chạy làm bằng dây nikêlin có điện trở suất $\rho = 0,40.10^{-6} \Omega m$ và tiết diện là $0,6mm^2$ và gồm 1000 vòng quấn quanh lõi sứ hình trụ tròn có bán kính 10cm. Tính điện trở lớn nhất của biến trở này.

- A. $6,67 \Omega$ B. $666,67 \Omega$ C. $209,33 \Omega$ D. $20,93 \Omega$

Câu 10: Xét các dây dẫn được làm từ cùng một loại vật liệu, nếu chiều dài dây dẫn tăng gấp 3 lần và tiết diện giảm đi 2 lần thì điện trở của dây dẫn:

- A. Tăng gấp 6 lần. B. Giảm đi 6 lần. C. Tăng gấp 1,5 lần. D. Giảm đi 1,5 lần.

Câu 11: Trên một bàn là có ghi 220V – 1100W. Khi bàn là này hoạt động bình thường thì nó có điện trở bao nhiêu ?

- A. $0,2\Omega$ B. 44Ω C. 5Ω D. 5500Ω

Câu 12: Đơn vị nào dưới đây **không phải** là đơn vị của điện năng?

- A. Jun (J) B. Kiloat giờ (kW.h) C. Niuton (N) D. Số đếm của công tơ điện

Câu 13: Đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc nối tiếp có công thức tính điện trở tương đương là:

A. $R_1 + R_2$ B. $\frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2}$ C. $\frac{R_1 + R_2}{R_1 \cdot R_2}$ D. $\frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

Câu 14: Đoạn mạch gồm 2 điện trở R_1 và R_2 mắc song song có điện trở tương đương (R_{td}) bằng :

A. $R_1 + R_2$ B. $\frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$ C. $\frac{R_1 + R_2}{R_1 R_2}$ D. $\frac{R_1 R_2}{R_1 + R_2}$

Câu 15: Hai đoạn dây dẫn bằng đồng, cùng chiều dài, có tiết diện và điện trở tương ứng là S_1, R_1 và S_2, R_2 . Hệ thức nào dưới đây là đúng?

A. $S_1 \cdot R_1 = S_2 \cdot R_2$ B. $\frac{S_1}{R_1} = \frac{S_2}{R_2}$ C. $R_1 \cdot R_2 = S_1 \cdot S_2$ D. $\frac{R_1}{S_1} = \frac{R_2}{S_2}$

Câu 16: Đặt vào hai đầu dây dẫn có điện trở 25Ω một hiệu điện thế $12V$ thì cường độ dòng điện chạy qua dây là:

A. $37A$; B. $4,8A$; C. $2,1A$; D. $0,48A$.

Câu 17: Bóng đèn có điện trở 4Ω được mắc vào hiệu điện thế $6V$ thì công suất tiêu thụ của đèn là :

A. $9W$ B. $1,5 W$ C. $24 W$ D. $96 W$

Câu 18: Đặt một hiệu điện thế U_{AB} vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc song song. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tương ứng là U_1, U_2 . Hệ thức nào dưới đây là **không đúng**?

A. $R_{AB} = R_1 + R_2$ B. $I_{AB} = I_1 + I_2$ C. $\frac{1}{R_{AB}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$ D. $U_{AB} = U_1 = U_2$

Câu 19: Kết luận nào sau đây là **sai**?

- A. Điện trở dây dẫn tỉ lệ thuận với chiều dài của dây dẫn.
- B. Điện trở dây dẫn tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây dẫn.
- C. Điện trở dây dẫn không phụ thuộc vào vật liệu làm dây dẫn.
- D. Điện trở dây dẫn phụ thuộc vào vật liệu làm dây dẫn.

Câu 20: Có hai điện trở R_1 và $R_2 = 2R_1$ được mắc song song vào một hiệu điện thế không đổi. Công suất điện P_1, P_2 tương ứng trên hai điện trở này có mối quan hệ nào dưới đây ?

A. $P_1 = P_2$ B. $P_2 = 2P_1$ C. $P_1 = 2P_2$ D. $P_1 = 4P_2$

Câu 21: Đoạn mạch gồm hai điện trở $R_1 = 15\Omega$ và $R_2 = 10\Omega$ mắc song song, điện trở tương đương là:

A. $R = 12\Omega$ B. $R = 6\Omega$ C. $R = 8\Omega$ D. $R = 10\Omega$

Câu 22: Phát biểu nào sau đây không đúng đối với đoạn mạch gồm các điện trở mắc nối tiếp?

- A. Cường độ dòng điện là như nhau tại mọi vị trí của đoạn mạch.
- B. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở mắc trong đoạn mạch.
- C. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở mắc trong đoạn mạch.

D. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở mắc trong đoạn mạch tỉ lệ thuận với điện trở đó.

Câu 23: Đoạn mạch gồm các điện trở mắc nối tiếp không có đặc điểm nào dưới đây?

A. Đoạn mạch có hiệu điện thế giữa hai đầu

B. Đoạn mạch có chứa mạch rẽ nhánh bằng tổng hiệu điện thế ở hai đầu mỗi điện trở.

C. Dòng điện chạy qua các điện trở của đoạn mạch có cùng cường độ.

D. Đoạn mạch gồm những điện trở mắc liên tiếp với nhau và không có mạch rẽ.

Câu 24: Hai điện trở mắc song song có

A. một điểm nối chung

B. hai điểm nối chung

C. ba điểm nối chung

D. số điểm nối chung tùy ý

Câu 25: Đặt vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở $R_1 = 4\Omega$ và $R_2 = 6\Omega$ mắc song song thì thấy cường độ dòng điện chạy qua điện trở R_2 bằng 2A. Cường độ dòng điện chạy qua điện trở R_1 bằng

A. 1A

B. 2A

C. 3A

D. 0,5A

Câu 26: Một đoạn mạch gồm ba điện trở $R_1 = 2\Omega, R_2 = 3\Omega, R_3 = 6\Omega$ mắc song song. Đặt vào hai đầu đoạn mạch hiệu điện thế U thì cường độ dòng điện chạy qua điện trở R_1 bằng 0,3A. Cường độ dòng điện chạy trong mạch chính bằng

A. 0,2A

B. 0,1A

C. 0,5A

D. 0,6A

Câu 27: Đặt một hiệu điện thế U_{AB} vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc nối tiếp. hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở và cường độ dòng điện chạy qua chúng là U_1, I_1, U_2, I_2 . Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. $I_{AB} = I_1 + I_2$

B. $\frac{U_1}{R_1} = \frac{U_2}{R_2}$

C. $U_{AB} = U_1 + U_2$

D. $R_{AB} = R_1 + R_2$

Câu 28: Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc song song tính bởi công thức

A. $R_{td} = R_1 + R_2$

B. $R_{td} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

C. $R_{td} = \frac{1}{R_1} + R_2$

D. $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

Câu 29: Đặc điểm nào dưới đây là của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song?

A. Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính bằng tổng cường độ dòng điện chạy qua các mạch rẽ.

B. Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính bằng cường độ dòng điện chạy qua các điện trở.

C. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở.

D. Cường độ dòng điện chạy qua mỗi điện trở tỉ lệ thuận với điện trở của nó.

Câu 30: Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm ba điện trở R_1, R_2, R_3 mắc song song tính bởi công thức:

A. $R_{td} = R_1 + R_2 + R_3$

B. $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} + \frac{1}{R_3}$

C. $R_{td} = \frac{R_1 R_2}{R_1 + R_2} + R_3$

D. $R_{td} = R_1 + 2R_2 + 3R_3$

Câu 31: Biến trở gồm một dây Nikelin, đường kính 2 mm, quấn đều vòng nọ sát vòng kia, trên một ống sứ cách điện, đường kính 4 cm, dài 20 cm. Tính điện trở của dây ấy.

A. 1 Ω

B. 20 Ω

C. 1,6 Ω

D. 50 Ω

Câu 32: Một dây dẫn bằng nhôm có điện trở suất $\rho = 2,8 \cdot 10^{-8} \Omega \cdot m$, chiều dài 10 m, tiết diện có đường kính 0,3 mm. Điện trở của dây dẫn này có giá trị bằng bao nhiêu?

A. 4Ω

B. 8Ω

C. 5Ω

D. 11Ω

Câu 33: Một dây dẫn bằng nikelin có điện trở suất $0,40 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$ và chiều dài 3m. Biết điện trở của dây dẫn bằng 4Ω . Đường kính tiết diện của dây bằng

A. 0,6 mm

B. 0,3 mm

C. 0,5 mm

D. 0,1 mm

Câu 34: Nếu tăng tiết diện của dây dẫn lên 9 lần và giữ nguyên các thông số khác thì điện trở của dây dẫn tăng lên hay giảm đi bao nhiêu lần?

A. Tăng lên 3 lần

B. Giảm đi 3 lần

C. Tăng lên 9 lần

D. Giảm đi 9 lần

Câu 35: Điện trở của một dây dẫn phụ thuộc vào yếu tố nào trong các yếu tố dưới đây?

A. Chiều dài dây dẫn.

B. Hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn

C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn

D. Chiều dòng điện chạy qua dây dẫn

Câu 36: Hai đoạn dây dẫn bằng đồng có cùng chiều dài. Dây thứ nhất có tiết diện S_1 có điện trở R_1 . Dây thứ hai có tiết diện S_2 có điện trở R_2 . Biểu thức liên hệ nào sau đây là đúng?

A. $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_1}{S_2}$

B. $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_2}{S_1}$

C. $\frac{R_1}{R_2} = \left(\frac{S_1}{S_2}\right)^2$

D. $\frac{R_1}{R_2} = \left(\frac{S_2}{S_1}\right)^2$

II- BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1: Hai bóng đèn khi sáng bình thường có điện trở là $R_1=7,5\Omega$ và $R_2=4,5\Omega$. Dòng điện chạy qua hai đèn đều có cường độ định mức là $I=0,8A$. Hai đèn này được mắc nối tiếp với nhau và với một điện trở R_3 để mắc vào hiệu điện thế $U=12V$.

a. Tính R_3 để hai đèn sáng bình thường.

b. Điện trở R_3 được quấn bằng dây Nicrom có điện trở suất $1,10 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$ và chiều dài là 0,8m. Tính tiết diện của dây Nicrom này.

c. Nói Nicrom có điện trở suất $1,10 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$ thì có nghĩa là gì?

Bài 2: Trên một bóng đèn có ghi 12 V – 6 W. Đèn này được sử dụng với đúng hiệu điện thế định mức. Hãy tính:

a. Cho biết ý nghĩa của các số ghi này?

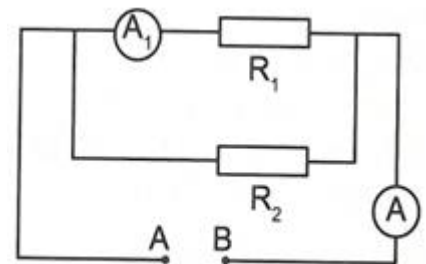
b. Tính điện trở bóng đèn và cường độ định mức của dòng điện chạy qua đèn?

c. Tính điện năng mà đèn sử dụng trong 1 giờ?

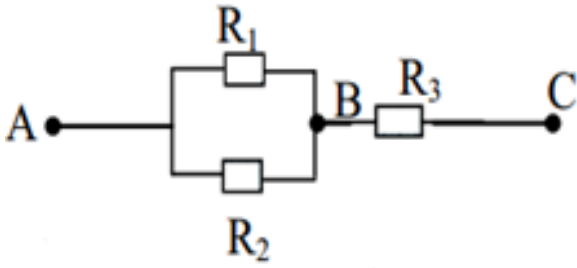
Bài 3: Cho mạch điện như hình vẽ. Trong đó $R_1 = 5\Omega$, $R_2 = 10\Omega$, ampe kế A_1 chỉ 0,6A.

a. Tính hiệu điện thế giữa hai đầu A, B của đoạn mạch?

b. Tính cường độ dòng điện ở mạch chính?



Bài 4. Cho mạch điện có sơ đồ như hình vẽ Cho biết: $R_1 = 3\Omega$, $R_2 = 6\Omega$, $R_3 = 6\Omega$, $U_{AB} = 3V$. Tìm:



- Điện trở tương đương của đoạn mạch AC.
- Cường độ dòng điện qua R_3 .
- Hiệu điện thế giữa hai điểm A và C.
- Cường độ dòng điện qua R_1 và R_2 .

MÔN NGỮ VĂN

A. Kiến thức trọng tâm

Phần I: Văn học

** Yêu cầu về kiến thức:*

1. Văn bản nhật dụng: tập trung vào những chủ đề sau:

- Vấn đề hội nhập và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc- văn bản “ Phong cách Hồ Chí Minh”
- Vấn đề chiến tranh và hoà bình- văn bản “ Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”
- Vấn đề bảo vệ trẻ em: “ Tuyên bố thế giới về sự sống còn và phát triển của trẻ”

2. Văn học trung đại:

- Chuyện người con gái Nam Xương
- Hoàng Lê nhất thống chí
- Truyện Kiều của Nguyễn Du, đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều”, “ Kiều ở lầu Ngưng Bích”

** Yêu cầu về kỹ năng:*

- + Nắm được tác giả, tác phẩm, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục, phương thức biểu đạt, ý nghĩa nhan đề, tóm tắt truyện, thuộc thơ.
- + Nắm được nội dung, nghệ thuật, biết khai thác tín hiệu nghệ thuật trong tác phẩm văn học để làm nổi bật nội dung, ý nghĩa.
- + Hệ thống các tác phẩm văn học theo từng giai đoạn, các chủ đề.
- + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

Phần II: Tiếng Việt

** Yêu cầu về kiến thức:*

- Các phương châm hội thoại
- Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp.
- Một số phép tu từ.
- Đoạn văn

** yêu cầu về kỹ năng:*

- Nhận diện được đơn vị kiến thức Tiếng Việt cơ bản trong văn bản.
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức trong văn bản.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết.

Phần III: Tập làm văn

*** Yêu cầu về kiến thức:**

1. Văn thuyết minh
2. Nghị luận

***Yêu cầu về kỹ năng:**

- Nắm được đặc điểm chung của văn thuyết minh, văn tự sự, nghị luận
- Biết cách làm bài văn thuyết minh kết hợp với các phương thức biểu đạt miêu tả, tự sự và một số biện pháp nghệ thuật khác.
- Bài văn (đoạn văn) nghị luận

B. Bài tập tham khảo

1. Ý nghĩa nhan đề “Truyện kì mạn lục”

- HS tự làm

2. Chỉ ra những chi tiết kì ảo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, cho biết ý nghĩa của những chi tiết đó.

- Chỉ ra chi tiết kì ảo: HS tự làm.

- Ý nghĩa:

+Góp phần làm đặc trưng thể loại truyện truyền kì

+Lôi cuốn người đọc, người nghe bởi chi tiết kì ảo làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn.

+Làm hoàn chỉnh thêm vẻ đẹp vốn có của Vũ Nương, là 1 người trọng danh dự, thủy chung, ân nghĩa, vị tha.

+Làm giảm đi tính bi kịch của truyện, an ủi người đọc 1 người thùy mị, nết na như Vũ Nương không thể chết oan khuất mà phải được giải oan, và 1 người như thế phải được hưởng một cuộc sông sung sướng cho dù chỉ là 1 cuộc sống ngoài dương thế, được các mỹ nữ dưới thủy cung yêu thương.

+Thể hiện ước mơ của người dân một lẽ công bằng: người phu nữ thùy mị nết na thì không thể chết oan khuất mà phải được giải oan.

3. Hãy nêu ý nghĩa của chi tiết chiếc bóng trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

Gợi ý:

- * Ý nghĩa:

- Với cốt truyện:

+Cái bóng của Vũ Nương là chi tiết thắt nút, mở nút....

+Cái bóng đã làm cho câu chuyện kịch tính và hấp dẫn

- Với nhân vật:

+ Với Vũ Nương: Gợi cảnh ngộ cô đơn của người vợ; thể hiện tình yêu chồng, thương con, sự thủy

chung...

+ Với bé Đản: thể hiện sự ngây thơ, hồn nhiên.

+ Với Trương Sinh: Thể hiện sự ghen tuông, đa nghi mù quáng.

4. Theo em, những nguyên nhân nào gây ra bi kịch của Vũ Nương? Từ đó em cảm nhận gì về thân phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến? Kể tên một tác phẩm khác viết về đề tài người phụ nữ dưới chế độ phong kiến trong chương trình Ngữ văn THCS, ghi rõ tên tác giả?

- HS tự làm.

5. Nhận xét cách kết thúc truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

Gợi ý:

Kết thúc truyện giảm đi tính bi kịch mà không mất đi tính bi kịch.

HS tự giải thích rõ.

6. Bằng đoạn văn khoảng 15 câu theo phép lập luận diễn dịch hãy làm rõ số phận và vẻ đẹp của Vũ Nương trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương” .

Gợi ý:

Đoạn văn cần đảm bảo nội dung:

- Vẻ đẹp của Vũ Nương: Yêu chồng, thương con, hiếu thảo, tự trọng...

- Số phận: bất hạnh

7. Nêu ý nghĩa nhan đề “Hoàng Lê nhất thống chí”.

HS tự làm

8. Trong hồi 14 “ Hoàng Lê nhất thống chí”, Quang Trung đã ra lời phủ dụ trong hoàn cảnh nào? Nêu nội dung lời phủ dụ? Nhận xét lời phủ dụ?

Câu nói “ *Trong khoảng vũ trụ...mà cai trị*” đã khẳng định chủ quyền của dân tộc. Em hãy kể tên hai văn bản mà em đã học trong chương trình THCS cũng khẳng định chủ quyền của dân tộc.

HS tự làm

9. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ – Các ngươi đem thân thờ ta...quả đúng như vậy.”

a. Trong đoạn trích trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

b. Qua lời nói đó em hiểu gì về nhân vật “ ta” trong đoạn trích?

c. Dựa vào đoạn trích trên và hồi 14 “Hoàng Lê nhất thống chí”, hãy trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người anh hùng Quang Trung trong đoạn trích hồi thứ 14?

d. Tại sao các tác giả là cựu thần nhà Lê nhưng lại viết hay về người anh hùng Quang Trung?

Gợi ý:

a,b HS tự làm

c. Đoạn văn cần đảm bảo các ý: Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán; thông minh sáng suốt, tầm nhìn xa trông rộng; liêm liệt trong trận chiến.

d. Họ là những nhà viết sử nên họ tôn trọng sự thật.

+ Họ có ý thức dân tộc.

+ Vua Lê Chiêu Thống là vị vua đón hèn nên không thể không phê phán còn Quang Trung vị anh Hùng áo vải mang trong mình biết bao vẻ đẹp nên không thể không ca ngợi.

10. Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” của Nguyễn Du, tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ

a, Em hiểu thế nào là bút pháp ước lệ?

b, Chép 2 câu thơ miêu tả Thúy Vân, 2 câu thơ miêu tả Thúy Kiều có sử dụng bút pháp ước lệ? Nêu cảm nhận của em về các câu thơ đó.

c. Bức chân dung của chị em Thúy Vân, Thúy Kiều có gì giống và khác nhau?

d. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo phương thức lập luận diễn dịch, hãy làm rõ bức chân dung của Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” trong đoạn trích có sử dụng lời dẫn trực tiếp-gạch chân.

Gợi ý:

a,b: HS tự làm

c: Bức chân dung của Thúy Vân và Thúy Kiều có điểm giống nhau và khác nhau:

- Bức chân dung có điểm giống nhau: Họ đều là người phụ nữ xinh đẹp, bức chân dung có dự báo số phận.
- Bức chân dung có sự khác nhau:
 - + Vẻ đẹp của Vân: phúc hậu, đoan trang- bức chân dung dự báo số phận êm đềm, hạnh phúc.
 - + Vẻ đẹp của Thúy Kiều: sắc sảo, mặn mà, không những vậy nàng còn có tài năng (tài cầm, kì, thi, họa và tâm hồn đa sầu, đa cảm) – bức chân dung dự báo số phận truân chuyên, trắc trở.

d. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau: Khai thác các tín hiệu NT: bút pháp ước lệ, đặc tả, thành ngữ, điển tích... để làm nổi bật lên vẻ đẹp của TK:

- Vẻ đẹp ngoại hình: đặc tả đôi mắt để làm nổi bật lên vẻ đẹp sắc sảo.
- Vẻ đẹp tài năng: Cầm, kì thi, họa
- Vẻ đẹp tâm hồn: đa sầu, đa cảm.
 - ⇒ Vẻ đẹp ngầm dự báo số phận sóng gió của nàng.

11. Cho câu thơ sau:

“Trông người dưới nguyệt chén đồng”

a. Chép chính xác bảy câu thơ tiếp theo. Những câu thơ vừa chép thuộc đoạn trích nào? Nêu vị trí đoạn trích?

b. Giải nghĩa từ “ chén đồng”

c. Vì sao Kiều vốn là người con có hiếu nhưng khi xa nhà, người Kiều nhớ đầu tiên lại là Kim Trọng (nhớ Kim Trọng trước, cha mẹ sau).

d. Vì sao khi diễn tả nỗi nhớ Kim Trọng tác giả lại dùng “trông”, khi nhớ cha mẹ tác giả lại dùng

“tưởng”?

e. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo phương thức lập luận quy nạp hãy làm rõ tâm trạng của Kiều trong đoạn thơ mà em vừa chép.

Gợi ý:

a, b

c:

* Khi nhớ người thân, tác giả nhớ đến Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau

Đặt trong cảnh ngộ của Kiều thì rất hợp lí bởi:

- Hình ảnh “ mảnh trăng” ở lầu Ngưng Bích đã gợi về những kỉ niệm mà nàng cùng chàng Kim thề nguyện dưới trăng.
- Hơn nữa tâm trạng của nàng đang vô cùng đau đớn , xót xa vì mối tình đầu đẹp mà tan vỡ, nàng cảm thấy mình có lỗi vì không giữ được lời hẹn với chàng Kim.
- Với cha mẹ dù sao Kiều cũng đã phần nào làm tròn chữ hiếu khi bán mình cứu cha và em.

d. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau: câu hỏi tu từ, điển tích...

- Nỗi nhớ Kim trọng:

+ Tưởng tượng chàng Kim vẫn chưa biết mình bán mình chuộc cha và mong chờ tin mình.

+ Day dứt về tấm lòng son sắt của mình đã bị hoen ô biết bao giờ mới gột rửa cho sạch.

- Nhớ cha mẹ:

+ Xót xa cho cha mẹ tuổi già sức yếu mà vẫn trông chờ nàng

+ Băn khoăn, day dứt vì không thể phụng dưỡng cha mẹ

+ Đau xót khi nghĩ về cha mẹ ngày một già yếu...

12. Hãy chép lại 8 câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

a. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ mà em vừa chép.

b. Tại sao từ láy “rầu rầu”, vốn là từ chỉ tâm trạng của con người nhưng tác giả lại dùng miêu tả cảnh vật?

c. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo cách lập luận quy nạp hãy làm rõ tâm trạng của Kiều qua cái nhìn ngoại cảnh, trong đoạn văn có sử dụng câu cảm thán- gạch chân.

HS tự làm.

13. Hãy giới thiệu “ Truyện Kiều’ của Nguyễn Du.

HS tự làm

13. Đọc đoạn trích sau:

“ Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng đã không kiềm chế được mình mà nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì chỉ viết lên cát: “ Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ.”

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo, và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bây giờ bị sa lầy và lún dần xuống, và người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Thoát khỏi vũng lầy, anh lấy một

miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”.

Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại khắc lên đá?”.

Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đó được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.

Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.”

(Hạt giống tâm hồn)

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?
- Hãy chỉ ra câu văn có sử dụng yếu tố nghị luận và cho biết tác dụng.
- Câu nói “*Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*” gửi đến thông điệp gì cho người đọc?
- Bằng đoạn văn khoảng 13 câu hãy trình bày suy nghĩ của em về thông điệp đó.

Gợi ý:

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là: Tự sự
- Câu văn có sử dụng yếu tố nghị luận: “*Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*” đã gửi đến người đọc thông điệp: Hãy sống vị tha và biết ơn.
- Câu nói “*Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*” đã gửi đến người đọc thông điệp: Hãy sống vị tha và biết ơn.
- Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:
 - Giải nghĩa thông điệp: sống vị tha, biết ơn.
 - Biểu hiện của lối sống vị tha, và biết ơn
 - Vai trò của lối sống đó.
 - Bàn luận: phê phán lối sống chấp nhận, vô ơn.
 - Bài học nhận thức- liên hệ bản thân.

14. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“*Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.*

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một đồng xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông.

- *Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- *Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.”

(Theo Tuốc-ghê-nhép. SGK Ngữ Văn 9; tập I)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.
- Lời của ông lão và cậu bé trong câu chuyện trên đã tuân thủ phương châm hội thoại nào ?
- Bằng đoạn văn khoảng 5- 7 câu nêu suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện trên.

Gợi ý:

- a. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự
- b. Lời nói của ông lão và cậu bé trong câu chuyện đã tuân thủ phương châm hội thoại: lịch sự
- c. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:

- Bài học rút ra từ câu chuyện:

+ Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác.

+ Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác

+ Khi cho đi cũng chính là lúc ta nhận lại.

- d. Dựa vào câu c HS triển khai đoạn văn.

15. Ngữ liệu mở: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

NGỌN GIÓ VÀ CÂY SÒI

Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước ngọn gió hung hăng. Như bị thách thức, ngọn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng cơn giận dữ của ngọn gió và không hề gục ngã. Ngọn gió mệt mỏi, đành đầu hàng và hỏi:

- Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế?

Cây sồi già từ tốn trả lời:

-Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gãy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Càng ngày chúng sẽ phát triển càng mạnh mẽ, giúp tôi vững vàng hơn trước mọi sức mạnh của kẻ thù. Nhưng tôi phải cảm ơn ông, ngọn gió ạ! Chính những cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình.

- a. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?
- b. Hình ảnh ngọn gió và cây sồi tượng trưng cho điều gì?
- c. Thông điệp mà câu chuyện muốn gửi đến mọi người là gì?
- d. Từ bài học của câu chuyện “Ngọn gió và cây sồi”, em hãy tạo lập một văn bản bàn về lòng dũng cảm và nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

Gợi ý:

- a. Phương thức biểu đạt: Tự sự
- b. Hình ảnh ngọn gió và cây sồi tượng trưng cho:
 - + Ngọn gió: tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, những nghịch cảnh trong cuộc sống.
 - + Cây sồi: tượng trưng cho lòng dũng cảm, dám đối đầu, không ngục ngã trước nghịch cảnh.
- c. Thông điệp mà tác giả gửi đến người đọc:
 - Trong cuộc sống luôn ẩn chứa vô vàn những khó khăn, trở ngại, đòi hỏi con người phải có lòng dũng cảm để vượt qua nó.
 - Muốn thành công trong cuộc sống thì con người phải có niềm tin vào bản thân, và tôi luyện cho mình ý chí, nghị lực, khát vọng để vượt qua khó khăn.
- d. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:

- Dẫn dắt vào luận đề và trích dẫn luận đề.
- Giải thích: lòng dũng cảm, và nghị lực: là gan dạ, không lùi bước trước khó khăn
- Biểu hiện của lòng dũng cảm và nghị lực:
 - + Người có nghị lực không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven...
 - + Luôn biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp.
 - + Những người bị bệnh tật hiểm nghèo hoặc bị khiếm khuyết trên thân thể: cố gắng tự chăm sóc cho bản thân, cố gắng tập luyện, làm những việc có ích: Nik....
- Vai trò của lòng dũng cảm và ý chí nghị lực:
 - + Vượt qua được khó khăn, nghịch cảnh.
 - + Vươn lên thành công trong cuộc sống.
 - + Được mọi người ngưỡng mộ...
- Bàn luận: Phê phán những người nản chí, buông xuôi, phó mặc cho số phận..
- Bài học nhận thức và liên hệ bản thân.

16. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Khoảng cách thế hệ trong nhiều gia đình, giữa học trò tuổi teen và bố mẹ, thậm chí bố mẹ cũng còn rất trẻ, giờ có thêm một tác nhân từ thế giới mạng, hay đúng hơn là sự cảm dỗ của mạng kết nối. Nhiều ông bố bà mẹ không tài nào ngủ được khi thấy chiếc đèn của chiếc modem nhấp nháy liên hồi. Có ông bố cứ 23 giờ là tắt nguồn modem. Lập tức nghe thấy một tiếng “á” kinh dị từ tầng trên, và đôi khi cả tiếng làu bàu hồn nhiên không giấu giếm của mấy anh chàng sinh viên thuê nhà bên cạnh, đêm đêm vẫn “húng” sóng wifi “chùa”. Nhưng tắt modem rồi vẫn không ngắt được kết nối, khi sóng 3G trên điện thoại vẫn chạy vù vù, ɀ

(Trích *Kết nối và ngắt kết nối*, Hà Nhân theo *Sống như cây rừng*, NXB Văn học, 2016)

Câu 1. Chỉ ra các biệt ngữ xã hội được dùng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, nguyên nhân của khoảng cách giữa các thế hệ trong gia đình là gì? Từ đó, em có suy nghĩ như thế nào về ý nghĩa của việc “ngắt kết nối” trong thời đại số?

Câu 3. Từ ý nghĩa của việc “ngắt kết nối” trong thời đại số mà đoạn trích gợi ra, kết hợp với những trải nghiệm thực tiễn của bản thân, trong khoảng 2/3 trang giấy thi, hãy đưa ra lời cảnh báo cho toàn xã hội về nguy cơ của việc lạm dụng mạng Internet

Gợi ý:

Câu 1: *Biệt ngữ xã hội: “ húng”, “ chùa”*

Câu 2:

- Nguyên nhân của khoảng cách: sự cảm dỗ của mạng Internet
- Ý nghĩa của việc “ngắt kết nối”: con người không bị cuốn đi theo những vòng xoáy thông tin hỗn độn. Làm cho các thành viên trong gia đình xích lại gần nhau hơn.

Câu 3:

- **Mở đoạn:** Dẫn vào vấn đề (xã hội thời đại số, mạng Internet: hai mặt -> lạm dụng – hậu quả)

- **Thân đoạn:**

- + Giải thích các khái niệm: thời đại số? mạng Internet?
- + Khẳng định lợi ích của mạng Internet (ngắn gọn)
- + Giải thích: lạm dụng mạng Internet? Biểu hiện của lạm dụng?
- + Phân tích hậu quả của việc lạm dụng: giảm tương tác trực tiếp Dẫn chứng- phân tích
- > tăng khoảng cách tình thân, lơ là mục tiêu chính -> lạc hướng, sai đường, náo thiếu thời gian nghỉ ngơi -> căng thẳng, mệt mỏi, trầm cảm, nguy cơ của nhiều tệ nạn xã hội...
- + Khuyến cáo: hãy là người thông minh khi sử dụng mạng Internet
- **Kết đoạn** : Liên hệ việc rút ra bài học thực tiễn cho bản thân.

17. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Mỗi chúng ta hình như chỉ chú ý đến bản thân mình nhiều đến nỗi quên mất thế giới bên ngoài bao la và phong phú vô vàn. Bạn sẽ không nhìn thấy trái đất đang vận chuyển từng ngày, những người bên cạnh bạn đang thay đổi từng giờ, những vật xung quanh bạn đang đang di chuyển từng phút giây... Ở đây không phải tôi muốn nói bạn vô tình mà bạn chỉ là đang bỏ quên ...Bạn “bỏ quên” một người bạn thân đang buồn phiền, bạn “bỏ quên” một cơn gió đang âu yếm thổi qua tán lá, bạn “bỏ quên” ánh mặt trời đỏ chói chang lặn phía trời tây, bạn “bỏ quên” niềm vui trong ánh mắt mẹ khi thấy bạn đi học về, bạn tiếp tục “bỏ quên” cây bàng trước cửa đang lâm râm vài lá đỏ, bạn đang “bỏ quên” nhiều thứ...

- 1, Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên.
- 2, Theo em, vì sao tác giả lại đặt từ “bỏ quên” trong dấu ngoặc kép ?
- 3, Cuộc sống xung quanh ta bao la và phong phú vô ngần. Nhưng hình như chúng ta đang “bỏ quên” nhiều thứ... Từ những gợi mở của bài viết cùng trải nghiệm của bản thân, em hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy với nội dung “*Biết quan sát để yêu thương nhiều hơn*”

Gợi ý:

1. Phương thức biểu đạt: nghị luận
2. Tác giả đặt chữ “bỏ quên” trong ngoặc kép:
 - + đánh dấu từ được hiểu theo nghĩa đặc biệt
 - + bỏ quên là thái độ thờ ơ, không quan tâm, không lắng nghe, không thấu hiểu, không đồng cảm, sẻ chia.
3. Dẫn dắt vào đề- trích dẫn luận đề

Giải thích:

 - Quan sát là nhìn, xem xét để biết chính xác sự vật, hiện tượng nào đó
 - Biết quan sát ở đây là đề cập tới việc biết cách chú ý , biết quan tâm tới cuộc sống, tới mọi người xung quanh.

=> biết quan sát để yêu thương nhiều hơn: biết quan tâm, chú ý, cảm nhận, thấu hiểu và yêu thương, trân trọng cuộc sống cũng như mọi người xung quanh mình hơn.

Biểu hiện:

- Đề ý, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ: Thấy người gặp khó khăn thì giúp đỡ, thấy họ gặp buồn đau thì chia sẻ, động viên.
- Quan sát tâm để yêu thương là sự đồng cảm, thấu hiểu, luôn đặt hoàn cảnh của mình vào hoàn cảnh của người khác.
- + Anh Nguyễn Trung Nam – người thợ sửa chữa điều hòa là người luôn biết quan sát, và thấu cảm. Có lẽ vậy mà anh không quản khó khăn, nguy hiểm anh đã leo lên tầng của ngôi nhà đang cháy để cứu cháu bé ở quận Hoàng Mai. Với anh, anh coi cháu bé như là con anh vậy.
- + Anh Nguyễn Ngọc Mạnh cứu cháu bé 3 tuổi rơi từ chung cư tầng 12....

Tại sao biết quan sát để yêu thương nhiều hơn? (Vai trò của quan sát và yêu thương)

- Biết quan sát – biết chú ý, con người sẽ biết cảm nhận, trân trọng, yêu thương hơn những vẻ đẹp của cuộc sống, con người quanh ta – từ vẻ đẹp của thiên nhiên đến vẻ đẹp của con người... những điều bình dị nhưng chính là chân giá trị của cuộc sống mà nếu không để ý ta sẽ dễ dàng bỏ qua, “bỏ quên”...
 - Biết quan sát – quan tâm => con người thấu hiểu, đồng cảm, biết yêu thương nhiều hơn => giúp người gặp khó khăn vượt hoạn nạn, giúp người với người xích lại với nhau => các mối quan hệ thêm gắn kết.
- (Dẫn chứng)
- Quan sát và yêu thương làm cho xã hội tốt đẹp hơn, con người sống nhân văn hơn.

Mở rộng: Quan sát khác với soi mói. Khác với người biết quan sát, người soi mói luôn nhìn nhận, đánh giá mọi việc theo hướng tiêu cực. Người biết quan sát => biết nhìn c/s không chỉ bằng đôi mắt mà còn bằng trái tim sẽ có cách giao tiếp, ứng xử tinh tế và cảm nhận cuộc sống sâu sắc hơn, sống nhân văn.

- Phê phán lối sống vô cảm ...

Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân

- quan sát, lắng nghe, cảm nhận cuộc sống...=> trân trọng và tận hưởng vẻ đẹp của cuộc sống là lối sống đẹp.
- quan tâm, chia sẻ và yêu thương bằng những việc làm cụ thể: giúp đỡ, sẻ chia...
- tránh xa lối sống vô cảm, ích kỉ...

18. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Tạo hóa đã biết dung đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình: Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, và có tri giác, có tâm hồn.[...] Hạ Long vậy đó, cho ta một bài học, sơ đẳng mà cao sâu: Trên thế gian này chẳng có gì là vô tri cả.

(Theo Nguyễn Ngọc, *Hạ Long – Đá và Nước* , NXB GDVN, 2019)

- 1, Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên? Hãy giải thích tại sao các danh từ *Đá* và *Nước* lại được tác giả viết hoa?
- 2, Theo em, Hạ Long cho ta bài học gì?
- 3, Từ những hiểu biết xã hội của mình, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy) ý kiến:
Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người.

Gợi ý:

1. PTBD chủ yếu: TM

Đá và Nước được viết hoa vì qua phép nhân hóa nó như con người, là một nhân vật cụ thể.

2. Bài học:

+ Trên thế gian này không có gì là vô tri...

+ Con người hãy biết lắng nghe, trân trọng, bảo vệ và giữ gìn thiên nhiên

3.

Giải thích: Thiên nhiên là gì? Bảo vệ thiên nhiên là gì? (bảo vệ thiên nhiên là yêu mến, trân trọng thiên nhiên; ...)

Biểu hiện của việc bảo vệ thiên nhiên

Vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên...(lấy dẫn chứng để chứng minh)

Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người vì con người có quan hệ mật thiết với thiên nhiên; phải bảo vệ thiên nhiên vì thiên nhiên đem đến cho con người bao điều kì diệu, có giá trị về cả v/c (tài nguyên, nguồn nước, không khí...) và tinh thần (vẻ đẹp của những danh lam thắng cảnh...)

Bàn luận, mở rộng vấn đề: phê phán những người không có ý thức bảo vệ thiên nhiên...

Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân

Hiểu được tầm quan trọng của thiên nhiên với cuộc sống con người; biết chung tay bảo vệ và làm cho thiên nhiên ngày càng tươi đẹp

Hành động...

MÔN LỊCH SỬ

I. Nội dung ôn tập

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 8, cụ thể:

1. Chương I: Liên Xô và các nước Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai

2. Chương II: Các nước Á, Phi, Mĩ la – tinh từ năm 1945 đến nay

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

II. Một số dạng câu hỏi và bài tập.

Bài 1: Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Những năm 1946 - 1950, Liên Xô bước vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế với việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ mấy?

A. Lần thứ tư B. Lần thứ năm C. Lần thứ sáu D. Lần thứ bảy

Câu 2. Thành tựu đánh dấu nền khoa học - kĩ thuật Liên Xô có bước phát triển vượt bậc trong thời kì 1945 - 1950 là:

A. Đưa con người bay vào vũ trụ. B. Đưa con người lên mặt trăng.
C. Chế tạo tàu ngầm nguyên tử. D. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

Câu 3. Trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội phương hướng chính của Liên Xô là ưu tiên phát triển ngành kinh tế nào?

A. Công nghiệp nặng. B. Công nghiệp nhẹ
C. Nông nghiệp. D. Dịch vụ.

Câu 4. Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại những thế nào?

A. Muốn làm bạn với tất cả các nước.
B. Chỉ quan hệ với các nước lớn.

C. Hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

D. Chỉ quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 5. Các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân vào khoảng thời gian nào?

A. Từ 1945 đến 1946.

B. Từ 1946 đến 1947.

C. Từ 1947 đến 1948.

D. Từ 1945 đến 1949.

Câu 6. Cột mốc đánh dấu sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới là:

A. Các nước dân chủ Đông Âu được thành lập.

B. Khối SEV được thành lập.

C. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập.

D. Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

Câu 7. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va mang tính chất:

A. Một tổ chức kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

B. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

C. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

D. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Câu 8: Tại sao Liên Xô là chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng và hòa bình thế giới?

A. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh hạt nhân nói riêng so với Mỹ

B. Chính phủ Liên Xô có nhiều chính sách đối ngoại hòa bình và tích cực.

C. Tới nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới (chỉ sau Mỹ)

D. Liên Xô là nước dẫn đầu thế giới về những chuyến bay dài ngày trong vũ trụ.

Câu 9: Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước?

A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.

B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

C. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày chiến thắng.

D. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

Câu 10: Nguyên nhân chính của sự ra đời liên minh phòng thủ Vác-Sa- va (14/5/1955) là gì?

A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.

B. Để tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.

C. Để đối phó với việc vũ trang lại Tây Đức của các nước thành viên khối NATO.

D. Để đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Câu 11: Đây là mặt hạn chế trong hoạt động của khối SEV?

A. Thực hiện quan hệ hợp tác, quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.

C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế khoa học trong sản xuất.

D. "Khép kín cửa" không hòa nhập với nền kinh tế thế giới.

Câu 12: Tồn thất nào của Liên Xô là nặng nề nhất do hậu quả của chiến tranh?

A. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá.

B. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy.

C. Hơn 1710 thành phố bị đổ nát.

D. Hơn 27 triệu người chết.

Câu 13: Tình hình chính trị của các nước Đông Âu trước chiến tranh thế giới thứ hai có đặc điểm gì?

A. Bị phát xít Đức chiếm đóng

B. Lệ thuộc vào Liên Xô

C. Là thuộc địa của các nước tư bản Tây Âu

D. Lệ thuộc vào các nước tư bản Tây Âu

Câu 14: Điều không phải là cơ sở để dẫn tới sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Chung mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội

B. Đều đặt dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản

C. Cùng chung hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin

D. Chung nền kinh tế thị trường

Câu 15: “Từ vũ trụ, tôi không còn nhìn thấy biên giới các quốc gia! Trái đất xanh một màu xanh vĩnh cửu” là câu nói nổi tiếng của nhân vật lịch sử nào?

A. Gagarin

B. Neil Amstrong

C. Buzz Aldrin

D. Eugene Cernan

Câu 16: Biểu hiện nào chứng tỏ Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới?

A. Sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 9,6%

B. Sản lượng công nghiệp Liên Xô chiếm khoảng 20% sản lượng công nghiệp thế giới

C. Chế tạo thành công bom nguyên tử

D. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo vào vũ trụ

Câu 17: Nước nào ở Đông Âu được mệnh danh là "Đất nước của triệu người khát thực" trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Cộng hòa Dân chủ Đức

B. Tiệp Khắc

C. Ru-ma-ni

D. Hung-ga-ri

Câu 18: Tháng 3-1985, ở Liên Xô đã diễn ra sự kiện quan trọng gì?

A. Góóc-ba-chốp lên làm tổng thống Liên Xô

B. Góóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng cộng sản và tiến hành cải tổ

C. Các nước cộng hòa tuyên bố ly khai khỏi Liên bang Xô Viết

D. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động

Câu 19: Cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đã đặt ra yêu cầu gì cho các quốc gia trên thế giới?

A. Tập trung phát triển kinh tế

B. Cải tổ về chế độ chính trị

C. Cải cách về kinh tế- chính trị- xã hội

D. Hạn chế chạy đua vũ trang

Câu 20: Vì sao Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) lại bị giải thể?

A. Do “khép kín” cửa trong hoạt động.

B. Do không đủ sức cạnh tranh với Mỹ và Tây Âu.

C. Do sự lạc hậu về phương thức sản xuất.

D. Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 21: Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô tác động như thế nào đến phong trào cách mạng thế giới?

- A. Là nhân tố thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển.
- B. Là tổn thất to lớn của phong trào cách mạng thế giới.
- C. Là thành quả đấu tranh kiên cường bền bỉ của phong trào cách mạng thế giới.
- D. Không có tác động gì.

Câu 22: Đâu không phải là bài học kinh nghiệm từ sự thất bại của công cuộc cải tổ Liên Xô đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay?

- A. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng cộng sản
- B. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp, đúng đắn
- C. Nhạy bén với sự thay đổi của tình hình thế giới để đề ra đường lối phù hợp
- D. Không dập khuôn máy móc công thức cải tổ của phương Tây

Câu 23: Công cuộc cải tổ ở Liên Xô (1985) diễn ra đầu tiên trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế
- B. Chính trị- xã hội
- C. Văn hóa- giáo dục
- D. Quân sự

Câu 24: Nguyên nhân nào là cơ bản nhất khiến cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

- A. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
- B. Chậm đưa ra đường lối sửa chữa những sai lầm.
- C. Nhà nước Liên Xô nhận thấy chủ nghĩa xã hội không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.
- D. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội có nhiều hạn chế.

Câu 25: Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước Đông Âu đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng nào?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. Tập thể hóa nông nghiệp.
- C. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.
- D. Rập khuôn máy móc mô hình xây dựng CNXH ở Liên Xô.

Câu 26: Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới hay không? Vì sao?

- A. Có. Vì Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và lớn nhất.
- B. Không. Vì đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học.
- C. Có. Vì phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa nằm ở khu vực Đông Âu.
- D. Có. Vì trên thế giới không còn nước nào đi theo chủ nghĩa xã hội.

Câu 27: Trước tình hình khủng hoảng kinh tế, chính trị ngày càng trầm trọng Chính phủ các nước Đông Âu đã có những hành động gì?

- A. Tiến hành một loạt cải cách về kinh tế và chính trị.
- B. Tuyên bố giải tán, từ bỏ quyền lãnh đạo.
- C. Kêu gọi sự trợ giúp của Liên Xô.
- D. Đàn áp các phong trào quần chúng, không đề ra các cải cách cần thiết và đúng đắn.

Câu 28: Cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị ở các nước Đông Âu lên tới đỉnh điểm trong thời gian nào?

- A. Đầu năm 1988.
- B. Cuối năm 1988.
- C. Đầu năm 1991.
- D. Cuối năm 1991.

Câu 29: Công cuộc xây dựng XHCN của các nước Đông Âu đã mắc phải một số thiếu sót và sai lầm là:

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. Tập thể hóa nông nghiệp.
- C. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.
- D. Rập khuôn, cứng nhắc mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô trong khi hoàn cảnh và điều kiện đất nước mình khác biệt.

Câu 30: Nước xóa bỏ thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Âu là:

- A. Ba Lan
- B. Hung-ga-ri
- C. Tiệp Khắc
- D. Cộng hòa Dân chủ Đức

Câu 31: Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) bị giải thể do nguyên nhân nào?

- A. Do "khép kín" cửa trong hoạt động.
- B. Do không đủ sức cạnh tranh với Mỹ và Tây Âu
- C. Do sự lạc hậu về phương thức sản xuất.
- D. Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 32: Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) giải thể vào năm nào?

- A. 1989
- B. 1990
- C. 1991
- D. 1992

Câu 33: Sự kiện nào sau đây đánh dấu chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô chấm dứt?

- A. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.
- B. Các nước cộng hòa tách ra khỏi Liên bang Xô viết và tuyên bố độc lập.
- C. Lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống.
- D. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) được thành lập.

Câu 34: Chế độ XHCN ở Liên Xô tồn tại bao nhiêu năm?

- A. 71 năm
- B. 72 năm
- C. 73 năm
- D. 74 năm

Bài 2: Hãy nêu những nét nổi bật của tình hình Đông Nam Á từ sau năm 1945.

Bài 3: Tại sao nói: Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, "một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á"?

Bài 4:

Hoàn cảnh ra đời, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN? Theo em, Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì khi tham gia ASEAN?

Bài 5: Trình bày và cho biết ý nghĩa sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1949?

III. Gọi ý trả lời câu hỏi

Bài 1: HS bám sát nội dung kiến thức chương I để chọn đáp án đúng

Bài 2:

- Ngay khi Nhật đầu hàng, các dân tộc Đông Nam Á nổi dậy giành độc lập.
- Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, các nước đế quốc trở lại xâm lược, nhân dân các nước Đông Nam Á tiến hành kháng chiến chống xâm lược, đến giữa những năm 50, các nước Đông Nam Á lần lượt giành độc lập dân tộc.
- Cũng từ giữa những năm 50, đế quốc Mỹ can thiệp vào khu vực Đông Nam Á và tiến hành xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
- Từ những năm 50, các nước Đông Nam Á đã có sự phân hóa trong đường lối đối ngoại: một số

nước tham gia khối quân sự SEATO trở thành đồng minh của Mỹ (như Thái Lan, Phi-lip-pin), một số nước thi hành chính sách hòa bình trung lập (In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma).

Bài 3:

- Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, thế giới chấm dứt chiến tranh lạnh, tình hình chính trị trong khu vực Đông Nam Á được cải thiện, xu hướng từ đối đầu sang đối thoại hợp tác, hòa nhập khu vực được mở ra.

- Từ đó, ASEAN có xu hướng mở rộng thành viên. Đến đầu tháng 4 – 1999, 10 nước Đông Nam Á đều là thành viên của tổ chức ASEAN. Trên cơ sở ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế. Từ năm 1992, ASEAN quyết định biến Đông Nam Á trở thành một khu vực mậu dịch tự do (AFTA), năm 1994, lập diễn đàn khu vực (APT) có sự tham gia của 23 nước trong và ngoài khu vực. Như vậy, một chương mới đã mở ra trong khu vực Đông Nam Á.

Bài 4:

- Hoàn cảnh ra đời của ASEAN:

+ Sau khi giành được độc lập và đứng trước yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, nhiều nước Đông Nam Á chủ trương thành lập một tổ chức liên minh khu vực nhằm hợp tác phát triển kinh tế, hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

+ Ngày 8/8/1967 Hiệp hội các nước Đông Nam Á thành lập (viết tắt ASEAN) tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước thành viên : Inđônêxia, Malaixia, Philipin, Xingapo, Thái Lan.

*** Mục tiêu hoạt động của ASEAN:**

Phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

*** Nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN:**

- + Tôn trọng chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau;
- + Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau;
- + Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình;
- + Hợp tác phát triển có hiệu quả.

*** Việt Nam có những thuận lợi khi tham gia ASEAN:**

- Thuận lợi:

- + Mở rộng quan hệ mậu dịch, buôn bán với các nước.
- + Mở rộng quan hệ trong giáo dục, văn hóa, y tế và đào tạo nguồn nhân lực.
- + Phát triển các hoạt động du lịch, khai thác tốt tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước.
- + Xây dựng phát triển các hành lang kinh tế; thu hút đầu tư; xóa đói giảm nghèo,...

- Khó khăn:

- + Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các quốc gia.
- + Sự khác biệt về thể chế chính trị và sự bất đồng về ngôn ngữ,...

Bài 5:

*** Sự ra đời nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa:**

+ Sau kháng Nhật thành công ở Trung Quốc diễn ra nội chiến (1946-1949) giữa Đảng cộng sản Trung Quốc và Quốc dân Đảng.

+ Tháng 4/1949 quân cách mạng giải phóng Nam Kinh, Tưởng Giới Thạch thất bại, chạy ra đảo Đài Loan, nội chiến kết thúc.

+ Ngày 01/10/1949 tại Quảng trường Thiên An Môn, Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

* Ý nghĩa:

- Đối với Trung Quốc:

+ Kết thúc ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và hàng nghìn năm của chế độ phong kiến.

+ Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Đối với thế giới:

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa được nối liền từ châu Âu sang châu Á.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, đặc biệt là Đông Nam Á.

MÔN CÔNG NGHỆ

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 6

- Bài 1: Giới thiệu về nghề điện dân dụng

- Bài 2: Vật liệu điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà

- Bài 3: Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện

- Bài 4: Thực hành: Sử dụng đồng hồ đo điện

- Bài 5: Thực hành: Nối dây dẫn điện

2. Một số câu hỏi trong tâm

Câu 1. Trong quá trình sử dụng dây dẫn điện cần lưu ý điều gì?

Câu 2. Có những loại mối nối dây dẫn điện nào? Khi thực hành nối dây dẫn điện cần đảm bảo những yêu cầu gì?

Câu 3. Trình bày cấu tạo của dây dẫn bọc cách điện.

Câu 4. Em hãy cho biết nội dung lao động của nghề điện dân dụng.

Phần 2 Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Đây là vật liệu cách điện?

A. Thiếc

B. Mica

C. Vonfam

D. Niken - crom

Câu 2. Công tơ điện dùng để đo đại lượng nào?

A. Điện năng tiêu thụ

C. Điện trở

B. Cường độ dòng điện

D. Công suất

Câu 3. Vật liệu nào được dùng nhiều để làm dây dẫn điện?

A. Bạc.

B. Đồng.

C. Niken.

D. Thép

Câu 4. Dựa vào lớp vỏ cách điện, dây dẫn điện chia làm mấy loại?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 5. Đây không phải là vật liệu cách điện?

A. Pulic sứ

B. Vỏ cầu chì

C. Dây đồng

D. Vỏ đui đèn

Câu 6. Hãy cho biết V là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

A. Vôn kế

B. Công tơ điện

C. Oát kế

D. Ampe kế

Câu 7. Đâu không phải là tên dụng cụ cơ khí?

- A. Thước B. Panme C. Đồng hồ vạn năng D. Búa

Câu 8. Panme là dụng cụ cơ khí dùng để làm gì?

- A. Đo chiều dài dây điện C. Đo chính xác đường kính dây điện
B. Đo đường kính dây điện D. Đo kích thước lỗ luôn dây điện

Câu 9. Dụng cụ nào dùng để cắt kim loại, ống nhựa?

- A. Kìm B. Cưa C. Khoan D. Búa

Câu 10. Cho vôn kế có thang đo 300V, cấp chính xác 1,5; tính sai số tuyệt đối lớn nhất.

- A. 3V B. 3,5V C. 4,5V D. 4V

Câu 11. Có mấy loại mối nối dây dẫn điện?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 12. Cấu tạo của dây dẫn bọc cách điện gồm những phần nào?

- A. Lõi và lớp vỏ cách điện C. Vỏ bảo vệ và vỏ cách điện
B. Lõi và lớp vỏ bằng đồng D. Lõi đồng và lõi nhôm

Câu 13. Vật liệu cách điện là những vật liệu nào dưới đây?

- A. Nhựa, sành, nhôm C. Tôn, gỗ, sứ
B. Nhựa, gỗ, cao su D. Cao su, nhựa, đồng

Câu 14. Kí hiệu dây dẫn bọc cách điện M(2x1,5) có nghĩa là gì?

- A. Dây lõi đồng, số lõi 2, tiết diện 1,5 C. Dây lõi nhôm, số lõi 2, tiết diện 1,5
B. Dây lõi đồng, số lõi 1,5, tiết diện 2 D. Dây lõi nhôm, số lõi 1,5, tiết diện 2

Câu 15. Vì sao dây dẫn trong nhà không được dùng dây dẫn trần?

- A. Không đạt yêu cầu về mặt mỹ thuật C. Không thuận tiện khi sử dụng
B. Để đảm bảo an toàn điện D. Dây trần không bền bằng dây có vỏ bọc

MÔN GDCD

I. NỘI DUNG ÔN TẬP.

Các bài từ tuần 1 đến tuần 7 trong đó trọng tâm kiến thức:

- **Bài 1:** Chí công vô tư
- **Bài 2:** Tự chủ
- **Bài 3:** Dân chủ và kỉ luật
- **Bài 4:** Bảo vệ hòa bình

* Yêu cầu:

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện của các phẩm chất đạo đức.
- Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện chí công vô tư, tự chủ, dân chủ và kỉ luật...
- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.

* **Lưu ý:** Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy trong nội dung bài học. Dưới đây là một số câu hỏi trắc nghiệm gợi ý.

Câu 1: Gìn giữ cuộc sống xã hội bình yên, dùng thương lượng, đàm phán để giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia được gọi là

- A. bảo vệ hoà bình. B. hoạt động ngoại giao.
C. hoạt động chính trị. D. bảo vệ đất nước.

Câu 2: Biểu hiện của người biết tự chủ là

- A. bực tức khi bị người khác góp ý, phê bình. B. luôn làm theo ý kiến của người khác.
C. bình tĩnh, tự tin trong mọi việc. D. bảo vệ ý kiến mọi trường hợp.

Câu 3: Người có phẩm chất chí công vô tư sẽ

- A. luôn sống trong lo âu, sợ hãi. B. bị ghét bỏ do quá thẳng thắn.

C. được mọi người tin cậy, kính trọng. D. thêm phiền phức cho bản thân.

Câu 4: Công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân là biểu hiện của phẩm chất

A. tự giác, sáng tạo. B. khoan dung. C. tự chủ. D. chí công vô tư.

Câu 5: Người tự chủ là người

A. luôn quyết định vội vàng trong mọi vấn đề.
B. biết kiềm chế ham muốn của bản thân.
C. luôn hành động theo ý mình.
D. làm việc gì cũng đúng.

Câu 6: Bảo vệ hoà bình là trách nhiệm của

A. chỉ những nước lớn. B. những nước đang có chiến tranh
C. những nước đang phát triển D. tất cả các quốc gia trên thế giới.

Câu 7: Trong các hoạt động của lớp, bạn lớp trưởng luôn đưa ra quyết định và yêu cầu các bạn thực hiện theo. Nếu là một thành viên trong lớp đó, em sẽ làm gì để phát huy tính dân chủ và kỉ luật?

A. Nghe theo mọi quyết định của lớp trưởng.
B. Không tham gia các hoạt động của lớp.
C. Cãi nhau để phản đối ý kiến của lớp trưởng.
D. Thẳng thắn góp ý để bạn lớp trưởng rút kinh nghiệm.

Câu 8: Là người yêu hoà bình, em sẽ ứng xử như thế nào khi thấy các bạn cãi nhau, đánh nhau trong lớp?

A. Can ngăn một cách khôn khéo để giúp các bạn hóa giải.
B. Tham gia đánh, cãi nhau để bên vực là phải.
C. Tránh đi không tham gia vào cuộc cãi nhau, đánh nhau đó.
D. Đứng ngoài cổ vũ bên mạnh hơn.

Câu 9: Một bạn trong lớp đùa nghịch làm hỏng món đồ rất có ý nghĩa của em. Là người tự chủ, em sẽ làm gì?

A. Báo cáo cô giáo. B. Nghĩ cách trả thù lại bạn.
C. Bình tĩnh nói chuyện với bạn. D. Yêu cầu bạn mua đền món đồ.

Câu 10 : Trong buổi thảo luận để xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khoá cho lớp, việc làm nào dưới đây chưa phát huy được tính dân chủ và kỉ luật của học sinh?

A. Tích cực tham gia các hoạt động của lớp. B. Sôi nổi đề xuất ý kiến.
C. Đề cán bộ lớp quyết định. D. Tôn trọng ý kiến của tập thể.

Câu 11: Bảo vệ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh được thể hiện

A. chỉ khi có chiến tranh B. chỉ khi có xung đột vũ trang.
C. khi có mâu thuẫn xảy ra. D. mọi nơi, mọi lúc.

Câu 12: Anh S cho rằng muốn bảo vệ hòa bình thì cần đầu tư thật nhiều ngân sách quốc gia cho vũ khí quân là

A. có quan điểm đúng về hòa bình. B. đưa ra ý kiến hay về bảo vệ hòa bình.
C. hiểu đúng về bảo vệ hòa bình. D. hiểu sai biện pháp bảo vệ hòa bình.

II. CÂU HỎI ÔN TẬP.

Câu 1: Tự chủ là gì? Đứng trước những khó khăn trong học tập và cuộc sống bản thân em cần làm gì để tự chủ?

Câu 2: Mối quan hệ giữa dân chủ và kỉ luật?

Câu 3: Vì sao được sống trong hòa bình là khát vọng của toàn nhân loại?

III. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG. Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1: Thầy giao bài tập về nhà môn Toán, Bình đọc và suy nghĩ mãi không làm được nên

Bình lên mạng tìm lời giải và chép lời giải coi như làm xong bài tập về nhà. Ngày hôm sau Bình nói với các bạn bài tập mình làm được.

Câu hỏi:

- a. Em có suy nghĩ gì về việc làm của Bình?
- b. Nếu em là bạn cùng lớp với Bình, em sẽ làm gì giúp bạn?
- c. Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

Tình huống 2: Trong cuộc họp tổ dân phố, ông N là Tổ trưởng, tổ dân phố. Vì ông V mâu thuẫn với ông N nên trong cuộc họp về vấn đề vệ sinh môi trường, Ông N đã không cho ông V phát biểu ý kiến.

Câu hỏi :

- a. Em có nhận xét gì về việc làm của ông N?
- b. Nếu là thành viên trong tổ dân phố, em sẽ khuyên ông N điều gì?
- c. Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Tự chủ là gì? Đứng trước những khó khăn trong học tập và cuộc sống bản thân em cần làm gì để tự chủ?

- Khái niệm: Tự chủ là làm chủ bản thân, người biết tự chủ: là người làm chủ được suy nghĩ, tình cảm, hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh.
- Đứng trước những khó khăn trong học tập và cuộc sống bản thân em cần: thể hiện thái độ bình tĩnh, tự tin. Biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với hoàn cảnh, suy nghĩ kỹ trước khi hành động. Sau mỗi hành động, việc làm cần xem lại thái độ, lời nói, hành động của mình là đúng hay sai và kịp thời rút kinh nghiệm, sửa chữa.

Câu 2: Mối quan hệ giữa dân chủ và kỉ luật?

- Dân chủ là để mọi người được đóng góp sức mình vào công việc chung. Kỉ luật là điều kiện đảm bảo cho dân chủ được thực hiện có hiệu quả.
- Tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động. Tạo điều kiện cho sự phát triển của mỗi cá nhân và xã hội.

Câu 3: Vì sao được sống trong hòa bình là khát vọng của toàn nhân loại?

- Hòa bình và xây dựng một nền hòa bình lâu dài, hướng tới phát triển bền vững chính là khát vọng, là mục tiêu cao cả của toàn nhân loại.
- Vào thời điểm trên thế giới liên tục xuất hiện các “điểm nóng” với xung đột và chiến tranh đe dọa sự sống của hàng triệu người dân, thì giá trị của an ninh và hòa bình, hơn lúc nào hết, càng cần được củng cố.
- Việt Nam luôn ủng hộ mạnh mẽ, đóng góp vào việc giải quyết các bất đồng và xung đột quốc tế, đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố quốc tế...
- Từ kinh nghiệm của đất nước đã trải qua nhiều năm tháng chiến tranh với những hậu quả nghiêm trọng và nay thu được thành tựu quan trọng trong phát triển. Vì vậy Việt Nam đã, đang và luôn nỗ lực, tích cực tham gia vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình và công lý trên thế giới.

* BÀI TẬP TÌNH HUỐNG.

TÌNH HUỐNG 1:

- a. Việc làm của bạn Bình không làm chủ được bản thân mình, khi đã chép bài trên mạng.
- b. Em sẽ: Động viên bạn cố gắng tìm lời giải, nếu bài nào không hiểu hỏi các bạn và hỏi thầy cô. Phân tích cho bạn hiểu tác hại của việc chép bài, khi mình không hiểu...

c. Bài học: Luôn tự chủ bản thân trong mọi hoàn cảnh, trong học tập cần chủ động, tích cực học tập...

TÌNH HUỐNG 2:

a. Nhận xét: Việc làm của ông N là sai.

- Ai cũng có quyền tự do dân chủ, ông V có quyền dân chủ là được phát biểu trong hội họp. Vì vậy việc ông N ngăn cản không cho ông V phát biểu là sai. Vi phạm quyền dân chủ và quyền tự do ngôn luận của công dân.

b. Nếu là thành viên trong tổ dân phố, em sẽ khuyên: cá nhân công dân ai cũng có quyền đưa ra ý kiến riêng của bản thân mình. Thực hiện tốt quyền tự do dân chủ là đang thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân với Nhà nước...

c. Bài học: Thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật tạo cơ hội cho mọi người được bình đẳng và phát triển, nâng cao hiệu quả chất lượng lao động...

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR:

- Complex sentences.
- Phrasal verbs
- Comparative form of adjectives and adverbs
- Reported speech
- Questions words before *to*-infinitive
- Pronunciation of words related to the topics
- Vocabulary: Units 1, 2, 3

B. PRACTICE:

PHONETICS

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of following question.*

- | | | | |
|---|----------------------------------|---|--|
| 1. A. <u>d</u> aughter | B. <u>a</u> uthor | C. <u>l</u> audry | D. <u>s</u> ausage |
| 2. A. <u>e</u> ducation | B. <u>g</u> raduate | C. <u>i</u> ndividual | D. <u>c</u> onfident |
| 3. A. <u>p</u> re <u>s</u> erve | B. <u>c</u> ast | C. <u>a</u> rtist <u>i</u> c | D. <u>c</u> rafts <u>m</u> an |
| 4. A. <u>p</u> leas <u>u</u> re | B. <u>e</u> ns <u>u</u> re | C. <u>t</u> reas <u>u</u> re | D. <u>m</u> ea <u>s</u> ure |
| 5. A. <u>t</u> eam | B. <u>w</u> eave | C. <u>t</u> reat | D. <u>t</u> hread |
| 6. A. table <u>cl</u> o <u>th</u> | B. <u>a</u> uth <u>e</u> nticity | C. <u>a</u> l <u>th</u> o <u>u</u> gh | D. <u>t</u> h <u>o</u> ugh |
| 7. A. <u>e</u> duca <u>t</u> ion | B. <u>g</u> rad <u>u</u> ate | C. <u>i</u> ndiv <u>i</u> du <u>a</u> l | D. <u>c</u> onf <u>i</u> de <u>n</u> t |
| 8. A. <u>c</u> on <u>ce</u> nt <u>r</u> ation | B. <u>a</u> tt <u>r</u> action | C. <u>e</u> mo <u>t</u> ion | D. <u>q</u> uest <u>i</u> on |
| 9. A. <u>f</u> ab <u>u</u> lous | B. <u>a</u> ss <u>e</u> t | C. <u>h</u> and <u>i</u> craft | D. <u>c</u> alm |
| 10. A. <u>a</u> wa <u>r</u> eness | B. <u>a</u> ba <u>n</u> ded | C. <u>e</u> mb <u>a</u> rrased | D. <u>c</u> apt <u>a</u> n |

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from in the other three in the position of primary stress in each following sentence.*

- | | | | |
|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. A. emb <u>r</u> oider | B. <u>a</u> uthentic | C. <u>m</u> emor <u>a</u> ble | D. <u>p</u> art <u>i</u> cular |
| 2. A. <u>p</u> ot <u>te</u> ry | B. <u>v</u> illager | C. <u>i</u> nter <u>i</u> st | D. <u>e</u> xper <u>i</u> ence |
| 3. A. <u>h</u> erit <u>a</u> ge | B. <u>a</u> ddit <u>i</u> onal | C. <u>e</u> njoy <u>a</u> ble | D. <u>e</u> nviron <u>m</u> ent |
| 4. A. <u>p</u> re <u>s</u> erve | B. <u>c</u> halleng <u>e</u> | C. <u>p</u> ro <u>d</u> uce | D. <u>a</u> ssig <u>n</u> |
| 5. A. <u>s</u> ouven <u>i</u> r | B. <u>a</u> uthentic <u>i</u> ty | C. <u>a</u> rtis <u>a</u> n | D. <u>e</u> mploym <u>e</u> nt |
| 6. A. <u>m</u> etrop <u>o</u> litan | B. <u>s</u> ituat <u>i</u> on | C. <u>p</u> opul <u>a</u> tion | D. <u>h</u> istor <u>i</u> cal |
| 7. A. <u>m</u> useum | B. <u>g</u> all <u>e</u> ry | C. <u>h</u> arbour | D. <u>c</u> apit <u>a</u> l |
| 8. A. <u>f</u> ascinat <u>e</u> | B. <u>e</u> xpens <u>i</u> ve | C. <u>r</u> estaur <u>a</u> nt | D. <u>d</u> iffer <u>e</u> nce |
| 9. A. <u>e</u> ncourag <u>e</u> | B. <u>v</u> olunt <u>e</u> er | C. <u>o</u> verc <u>o</u> me | D. <u>u</u> nderst <u>a</u> nd |
| 10. A. <u>r</u> ecognit <u>i</u> on | B. <u>a</u> fford <u>a</u> ble | C. <u>i</u> ndepend <u>e</u> nt | D. <u>a</u> dolesc <u>e</u> nce |

VOCABULARY AND GRAMMAR

* Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. Conical hats are _____ handicrafts in Vietnam which inspires many designers all over the world.
A. botanical B. commercial C. economical D. traditional
2. Ha Noi is a(n) _____ city in Vietnam.
A. urban B. local C. metropolitan D. downtown
3. Nowadays, a number of students feel _____ because of their upcoming exams.
A. delighted B. frustrated C. worried D. calm
4. The artisan _____ the clay so that he could make a mask
A. embroidered B. cast C. knitted D. moulded
5. Some people say that a place of interest is a place famous for its scenery or well-known _____ site.
A. history B. historically C. historic D. historical
6. _____ games play an important role in developing social skills because it can help you make more friends and enhance more relationship.
A. Team-building B. Individual C. Board D. Online
7. There is nothing to be _____ because physical changes are common in adolescence.
A. happy B. embarrassed C. excited D. informed
8. Some designers have taken _____ from Vietnam's ethnic minorities.
A. inspiration B. education C. impression D. tradition
9. What _____ of learning English do you find most difficult, Hoa?
A. dictionary B. passage C. aspect D. subject
10. Vietnamese people are very _____.
A. friend B. friendly C. friendship D. friendliness
11. Adolescence is the period between child and young _____.
A. child B. childhood C. adult D. adulthood
12. Your body will change in shape and _____.
A. height B. high C. tall D. taller
13. I wish my parents could put themselves in my _____.
A. situation B. heart C. feelings D. shoes
14. We need to prepare food, do laundry and chores at home. They are _____.
A. social skills B. housekeeping skills C. self-care skills D. cognitive skills
15. If we have _____, we can know how to cooperate with others and resolve our conflicts.
A. social skills B. housekeeping skills C. emotion control skills D. self-care skills
16. _____ Minh lost the contest, she managed to smile.
A. Nevertheless B. Although C. If D. Since
17. Just _____ I don't complain, people think I'm satisfied.
A. because B. because of C. although D. though
18. Japan is the _____ developed country in the world.
A. most second B. second in most C. second most D. two most
19. I didn't know _____ to laugh or cry.
A. whether B. if C. who D. which
20. The Historical Museum is becoming _____ crowded.
A. much and more B. more and much C. much D. more and more
21. We need _____ information about historical places in Ha Noi.
A. farer B. further C. farther D. farthest
22. When the doctor came in, he went _____ all my test results and gave me a prescription.
A. out B. over C. in D. of
23. Minh is _____ the most successful student in my class.
A. so long B. by how C. by far D. so now
24. They can't decide who _____ first.
A. go B. to go C. went D. going

25. He wondered _____ to tell the news to his parents.
 A. why B. how C. what D. which
26. You _____ a bit tense lately so you need to take a break.
 A. are B. have been C. were D. will be
27. Six people _____ for the job, but four of them were turned down.
 A. apply B. applied C. were applied D. have applied
28. His father wants him to get the _____ score in this exam.
 A. high B. higher C. highest D. as high as
29. The two countries agreed _____ full diplomatic relations
 A. set up B. setting up C. to setting up D. to set up
30. Their parents are considering _____ solar pannels on the roof of the house.
 A. installing B. install C. to installing D. to install

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:*

1. She **turned down** the new job in New York because she didn't want to move.
 A. refused B. agreed C. enjoyed D. denied
2. Many tourists like visiting Sadec Flower Village because it is one of the most **famous** places in Dong Thap province
 A. amazing B. important C. well-known D. boring
3. What **benefits** does TV bring about to people's life?
 A. difficulties B. disadvantages C. advantages D. pictures

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:*

- 1 Have you **made up your mind** about where to go on this summer holiday?
 A. decided B. known C. found D. read
- 2 Literature, Maths and English are **compulsory** subjects in the National Examination.
 A. optional B. difficult C. required D. interesting
- 3 With the help of the internet, information can reach every corner of the world **swiftly**.
 A. at a slow speed B. at a high price
 C. with some difficulties D. inexpertly

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges:*

1. A: What a beautiful painting! – B: _____
 A. You're welcome. B. I don't mind if you say that.
 C. I bought it in a souvenir shop. D. I'm glad to tell you so.
2. A: Why don't we visit a traditional craft village this summer? – B: _____
 A. I have no money B. I don't know.
 C. Where is the traditional craft village? D. No, thanks.
3. A: I'd like to try this conical hat, please. – B: _____
 A. Sure. Put it on. B. It's not very expensive.
 C. It takes time to make it. D. This can be a souvenir.
4. A: "I have won an essay contest" – B: _____
 A. no worries B. congratulation C. if I were in your shoes D. what to do
5. A: "Hey, thanks so much for showing me around today!" – B: _____
 A. You don't need to B. Yes, thanks
 C. No worries D. Don't thank me
6. "I've won an essay contest." – B: _____
 A. Congratulations! B. It's interesting C. Oh poor! D. Good!
7. Your friend stayed up late studying for an important exam, so you will say "_____".
 A. Well done! C. I know how you feel

- B. Stay calm. Everything will be all right. D. A really great job.
8. "Mom, I've got the first rank in class this semester!" – B: _____
 A. Well done! B. Thank you C. Never mind! D. Let's go!
9. Your parents don't let you do the things you like, so you say:
 A. Thank you so much B. It's very kind of you
 C. I don't know what to do D. I wish you put yourselves in my shoes
10. "I'm depressed now. My result is not good at all." – " _____"
 A. You are so stupid B. No problem
 C. I understand how you feel D. Why do you say so?

READING COMPREHENSION:

* *Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blank.*

There are a lot of disadvantages of living in a big city, air pollution is among (26) _____ most serious problems. Firstly, air pollution comes from the factories in the city. Big cities attract a lot of both inside and outside investments, (27) _____ the number of factories is increasing quickly. This makes the air extremely (28) _____ by smoke from factories. Secondly, that there are too many transportations means also makes this problem worse. Exhaust from cars, motobikes is one of the factors (29) _____ make the air polluted. To conclude, air pollution, which (30) _____ to make more and more people get many serious diseases such as lung cancer, tuberculosis and so on, is a big drawback of city life.

- | | | | |
|------------------|----------------|--------------|-------------------|
| 1. A. a | B. an | C. the | D. x (no article) |
| 2. A. therefore | B. however | C. so | D. but |
| 3. A. pollutants | B. pollute | C. pollution | D. polluted |
| 4. A. that | B. where | C. who | D. when |
| 5. A. results | B. contributes | C. expects | D. brings |

* *Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the question.*

More than 80% of American high school students work at part-time jobs in the evenings, on weekends or in summer. These part-time jobs bring teenagers great advantages.

One of the benefits of the work is the students can learn the skills that will be useful for the rest of their lives. When they work, they have to manage both the job and schoolwork. To be able to do so, they must be very organized and able to keep a sensible schedule. They also learn to *cope with* the job stress apart from the stress of the schoolwork. Some of the most stressful jobs include teaching, nursing, and police work. These skills help prepare teenagers for their later careers. High school students who work are more likely to succeed as adults than people who enter the job market at a later age with no work experience.

Teenagers want a lot of expensive things: clothes, mp3 players, trips with their friends, etc. Not all parents can afford them. And even if they can, the teens might not really appreciate that money because they did not earn it. When teenagers make money for themselves, they are less likely to spend it foolishly.

- Which of the following is a good title for the passage?
 A. Advantages and disadvantages of part-time jobs. B. Why teenagers should work.
 C. Part-time jobs for high school students D. Part-time jobs cause stress.
- According to the passage, what is NOT an effect of part-time jobs?
 A. Teenagers may have successful careers. B. Teenagers become stressed.
 C. Teenagers spend money less foolishly. D. Teenagers become organized.
- The word "*cope with*" in the passage is closest in meaning to _____.
 A. fight against B. suffer from C. deal with D. get on with
- According to the passage, when teenagers have jobs, they are more likely to _____.
 A. appreciate money B. want expensive things
 C. spend money foolishly D. buy more things
- According to the passage, which of the following is TRUE?

A. US students don't like part-time jobs.
stress.

B. US students suffer part-time job

C. Only some US students do part-time jobs.

D. Part-time jobs are good for teenagers

** Mark the letter A, B, c, or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions:*

1. The traditional craft has passed down from generation to generation.
A B C D

2. When I asked Tim to visit Bat Trang village with me, he turned me up.
A B C D

3. Sophie dances more graceful than most of the girls at the party.
A B C D

4. Watching television is much interesting than listening to the radio.
A B C D

5. She asked me if I had gone out with Jack yesterday.
A B C D

WRITING

A. Rewrite each of the sentences below in such a way that it means exactly the same as the one given before it.

A.1 Rewrite the following sentences using questions words + to-infinitives.

- 1. Could you tell me where I can find a larger apartment in this city?
.....
- 2. A good dictionary tells you how you should pronounce the words.
.....
- 3. They are not sure who they will meet at the entrance.
.....

A.2 Rewrite the sentences by using the given words :

- 4. The results of the experiment were successful. The school refused to give any help. (**although**)
.....
- 5. He chose to study computer science. Computer science has good employment prospects. (**because of**)
.....
- 6. It was raining hard. They could not work in the fields. (**so ... that**)
.....
- 7. I have never eaten a more delicious food than this one. (**most**)
.....

A.3 Turn the following statements into reported speech.

- 8. "Did they turn down my invitation?" Mary asked me.
.....
- 9. "If I were you, I would learn harder in order to pass the final exam", said Linh. (**advise**)
.....
- 10. "Why don't we decorate the X-mas tree now?", Jack ordered me. (**suggest**)
.....

B. Multiple choice

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the sentence given in each of the following questions.

- 1. When I was a child, we usually lived in London.**
 - A. When I was a child, we used to live in London.
 - B. When I was a child, we are used to live in London.
 - C. When I was a child, we are used to living in London.
 - D. When I was a child, we used to living in London.
- 2. The teacher said: "I will explain the problem one more time."**

- A. The teacher said I would explain the problem one more time.
 - B. The teacher said she would explain the problem one more time.
 - C. The teacher said she will explain the problem one more time.
 - D. The teacher said she explained the problem one more time.
- 3. People believe that Viet Nam has been successful in dealing with Covid-19.**
- A. Viet Nam is believed to being successful in dealing with Covid-19.
 - B. Viet Nam was believed to have been successful in dealing with Covid-19.
 - C. It is believed that Viet Nam has been successful in dealing with Covid-19.
 - D. It was believed that Viet Nam has been successful in dealing with Covid-19.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best combines the pair of sentences given in each of the following questions.

- 4. The traffic was bad. We arrived on time.**
- A. Although the fact that the traffic was bad, we arrived on time.
 - B. We arrived on time although the traffic was bad.
 - C. Though the traffic was bad, we arrived on time.
 - D. We arrived on time despite the traffic was bad.
- 5. The woman is my brother's close friend. You met her yesterday.**
- A. The woman who you met her yesterday is my brother's close friend.
 - B. The woman whom you met her yesterday is my brother's close friend.
 - C. The woman whose you met her yesterday is my brother's close friend.
 - D. The woman which you met her yesterday is my brother's close friend.

MÔN ĐỊA LÝ

I. Kiến thức trọng tâm

Ôn tập kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 8:

- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Dân số và sự gia tăng dân số.
- Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.
- Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống.
- Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.
- Tìm hiểu khái quát về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Tìm hiểu về sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Tìm hiểu về sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp và thủy sản.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
- Sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.
- Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của ngành dịch vụ.
- Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

II. Một số câu hỏi tham khảo

Phần trắc nghiệm: Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1: Trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, chiếm số dân đông nhất là dân tộc

- A. Kinh. B. Tày. C. Thái. D. Chăm.

Câu 2: Dân tộc Kinh chiếm bao nhiêu % trong tổng dân số của nước ta?

A. 86%. B. 76%. C. 90%. D. 85%.

Câu 3: Vào cuối những năm 50 của Thế kỉ XX, dân số nước ta xảy ra hiện tượng

- A. đô thị hóa tự phát. B. bùng nổ dân số.
C. ô nhiễm môi trường. D. công nghiệp hóa.

Câu 4: So sánh với quy mô dân số của các nước trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, Việt Nam là nước có

- A. dân số đông. B. dân số ít. C. dân số trẻ. D. dân số già.

Câu 5: Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, sống thưa thớt ở

- A. ven biển B. miền núi C. đồng bằng D. đô thị

Câu 7: Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa và rau trong một năm là nhờ

- A. Có nhiều diện tích đất phù sa. B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Có mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc. D. Có nguồn sinh vật phong phú.

Câu 8: Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là

- A. Đất đai B. Khí hậu C. Nước D. Sinh vật

Câu 9: Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

- A. Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.
B. Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.
C. Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.
D. Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

Câu 10: Thuận lợi của khí hậu mang tính nhiệt đới ẩm nước ta là

- A. Lượng mưa phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.
B. Tạo ra sự phân hóa đa dạng giữa các vùng miền của đất nước.
C. Nguồn nhiệt ẩm dồi dào làm cho sâu, dịch bệnh phát triển.
D. Tình trạng khô hạn thường xuyên diễn ra vào các mùa khô nóng.

Phần tự luận:

Câu 1: Tại sao công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?

Câu 2: Việc phát triển sản xuất lương thực ở nước ta dựa trên những thế mạnh tự nhiên nào?

Câu 3: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy: Trình bày hiện trạng sản xuất và phân bố cây lúa ở nước ta (diện tích, sản lượng, năng suất, bình quân lúa/ người).

Câu 4: Để giảm bớt tình trạng di dân tự do vào các đô thị, em hãy đề xuất các giải pháp chủ yếu và lâu dài để giải quyết tình trạng trên?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần trắc nghiệm: HS dựa vào kiến thức đã học chọn đáp án đúng

Phần tự luận:

Câu 1:

Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta, vì

* Có thể mạnh lâu dài

– Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú: nguyên liệu từ ngành trồng trọt, từ ngành chăn nuôi, từ ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản,...

– Có nguồn lao động dồi dào, rẻ tiền.

– Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

– Cơ sở vật chất – kĩ thuật phát triển với các nhà máy, xí nghiệp chế biến,...

* Mang lại hiệu quả kinh tế cao

– Về kinh tế:

+ Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có nhiều ưu thế: vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng nhanh, sử dụng nhiều lao động, hiệu quả kinh tế cao, tha hồi vốn nhanh.

+ Hiện chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

+ Đóng góp nhiều mặt hàng xuất khẩu, đem lại nguồn thu ngoại tệ quan trọng.

– Về xã hội:

+ Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

+ Tạo điều kiện công nghiệp hoá nông thôn.

* Tác động mạnh mẽ đến sự phát triển các ngành kinh tế khác

– Thúc đẩy sự phát triển của các ngành cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm như trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản,...

– Đẩy mạnh sự phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp năng lượng, hoá chất, cơ khí, đẩy mạnh hoạt động thương mại.

Câu 2:

– Tài nguyên đất: Khá đa dạng hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất:

+ Đất phù sa có diện tích khoảng 3 triệu ha, chủ yếu do sông ngòi bồi đắp nên màu mỡ, địa hình bằng phẳng, thuận lợi tưới tiêu nên rất thích hợp trồng lúa, các cây lương thực khác: sắn, ngô, khoai lang. Tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng ven biển miền Trung.

+ Đất feralit chiếm diện tích trên 16 triệu ha, tập trung chủ yếu ở trung du và miền núi, cũng thích hợp trồng các cây lương thực sắn, ngô, khoai lang,...

– Khí hậu: Nhiệt đới ẩm gió mùa. Nguồn nhiệt ẩm phong phú làm cho cây cối xanh tươi quanh năm, sinh trưởng nhanh, có thể trồng hai đến ba vụ lúa, hoa màu lương thực trong một năm.

– Tài nguyên nước: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc (chỉ tính những con sông có chiều dài trên 10 km thì nước ta đã có tới 2360 sông. Dọc bờ biển, trung bình cứ 20km tại gặp một cửa sông); sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa; chế độ nước theo mùa. Nhìn chung, các hệ thống sông đều có giá trị đáng kể về thủy lợi. Nguồn nước ngầm cũng khá dồi dào.

– Sinh vật: nước ta có nhiều loại cây lương thực, là cơ sở để nhân dân ta thuần dưỡng, cải tạo thành các giống cây lương thực có chất lượng cao, thích nghi với điều kiện sinh thái của từng địa phương.

Câu 3:

– Cây lúa được trồng ở tất cả các địa phương trong cả nước (tỉnh nào cũng có trồng lúa gạo) do đây là cây lương thực của nước ta, thích hợp với khí hậu nhiệt đới, sinh trưởng và phát triển được trên nhiều loại đất, đặc biệt là đất phù sa. Vì vậy, lúa gạo được trồng ở hầu khắp các địa phương trên cả nước.

– Tỉ lệ diện tích cây lúa so với diện tích cây lương thực ở các địa phương có sự khác nhau.

– Những tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực đạt trên 90%: bao gồm tất cả các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, một số tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng. Nguyên nhân do đây là những vùng đồng bằng màu mỡ, nguồn nước dồi dào,... thuận lợi cho việc trồng lúa.

+ Các tỉnh có tỉ lệ diện tích cây lúa so với diện tích cây lương thực thấp dưới 60% tập trung chủ yếu

ở Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) và phần lớn các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn), một số tỉnh ở Đông Nam Bộ (Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa — Vũng Tàu) do đặc điểm địa hình, nguồn nước,... không thuận lợi cho việc phát triển nghề trồng lúa; bên cạnh đó, tập quán sản xuất cũng là yếu tố có ảnh hưởng tới tỉ lệ diện tích trồng lúa ở một số địa phương.

– Các tỉnh trọng điểm lúa (diện tích và sản lượng lúa lớn): Phần lớn tập trung ở Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 4. Học sinh tự làm.

MÔN SINH

Phần I. Kiến thức

Ôn tập bài 1 : Mendel và di truyền học đến hết bài 15 ADN

Phần II. Một số câu hỏi tham khảo

A/ Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Khái niệm tính trạng là gì?

- A. Những biểu hiện của kiểu gen thành kiểu hình.
- B. Các đặc điểm bên trong cơ thể sinh vật.
- C. Kiểu hình bên ngoài cơ thể sinh vật.
- D. Những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lý, sinh hóa, di truyền... bên ngoài, bên trong cơ thể, mà nhờ đó sinh vật phân biệt giữa cá thể này với cá thể khác.

Câu 2. Thế nào là tính trạng tương phản ?

- A. Các tính trạng cùng một loại nhưng biểu hiện trái ngược nhau.
- B. Những tính trạng số lượng và tính trạng chất lượng,
- C. Các tính trạng khác biệt nhau.
- D. Tính trạng do một cặp alen quy định.

Câu 3. Tính trạng trội là

- A. tính trạng xuất hiện ở F_2 với tỉ lệ $\frac{3}{4}$.
- B. tính trạng biểu hiện ở cá thể đồng hợp trội hay dị hợp.
- C. tính trạng có thể trội hoàn toàn hoặc trội không hoàn toàn.
- D. tính trạng luôn luôn biểu hiện ở F_1 .

Câu 4: Kiểu gen nào sau đây là kiểu gen đồng hợp trội?

- A. AABB B. AaBB C. AABb D. AaBb

Câu 5: Kết quả của phép lai giữa 2 kiểu gen AABb x aabb là

- A. AABb;Aabb B. AaBB;AaBb C. AaBb;Aabb D.

AABB;AaBb

Câu 6: Kiểu hình là

- A. Kết quả tác động tương hỗ giữa kiểu gen với môi trường.
- B. Tập hợp tất cả các tính trạng của sinh vật.
- C. Sự biểu hiện của kiểu gen thành hình thái cơ thể.
- D. Tập hợp tất cả các kiểu gen của sinh vật.

Câu 7: Trong các phép lai sau phép lai nào là phép lai phân tích?

- A. AA x Aa. B. Aa x aa. C. Aa x Aa. D. aa x aa.

Câu 8: Ở giảm phân II, đến kì giữa các NST kép xếp thành mấy hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 9: Ở ruồi giấm $2n = 8$. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân. Số NST trong tế bào đó bằng bao nhiêu trong các trường hợp sau

- A. 4. B. 12. C. 16. D. 32.

Câu 10: Ý nghĩa của quá trình nguyên phân là gì?

- A. Sự phân chia đồng đều chất nhân của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.
- B. Sự sao chép nguyên vẹn bộ NST của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.
- C. Sự phân ly đồng đều các cromatit về 2 tế bào con.
- D. Sự phân chia đồng đều chất tế bào của tế bào mẹ cho hai tế bào con.

Câu 11: Sự nhân đôi của NST diễn ra ở kì nào của chu kì tế bào?

- A. Kì đầu.
- B. Kì giữa.
- C. Kì sau.
- D. Kì trung gian.

Câu 12: Kết quả của quá trình giảm phân là từ 1 tế bào mẹ $2n$ NST tạo ra

- A. 2 tế bào con (n NST).
- B. 4 tế bào con ($2n$ NST).
- C. 2 tế bào con ($2n$ NST).
- D. 4 tế bào con (n NST).

Câu 13: Đặc điểm nào của cây Đậu Hà Lan tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu các quy luật di truyền của Men đen?

- A. Hoa lưỡng tính, tự thụ phấn nghiêm ngặt.
- B. Hoa đơn tính, tự thụ phấn không nghiêm ngặt.
- C. Hoa lưỡng tính, tự thụ phấn không nghiêm ngặt.
- D. Hoa đơn tính, tự thụ phấn nghiêm ngặt.

Câu 14: Vì sao nhiễm sắc thể được quan sát rõ nhất dưới kính hiển vi ở kỳ giữa?

- A. NST dãn xoắn tối đa.
- B. NST đóng xoắn tối đa.
- C. ADN nhân đôi xong.
- D. NST phân li về hai cực của tế bào.

Câu 15: Từ 10 noãn bào bậc I, qua giảm phân sẽ cho kết quả như thế nào?

- A. 10 thể định hướng và 10 trứng.
- B. 20 thể định hướng và 20 trứng.
- C. 30 thể định hướng và 10 trứng.
- D. 30 thể định hướng và 30 trứng.

B/ Câu hỏi tự luận:

Câu 1: Phân biệt bộ NST lưỡng bội và bộ NST đơn bội.

Câu 2: Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

a, Nêu những điểm khác nhau giữa NST giới tính và NST thường.

b, Trình bày cơ chế sinh con trai, con gái ở người.

Câu 3: Ở bí, tính trạng quả tròn trội hoàn toàn so với tính trạng quả dài. Cho giao phấn giữa cây có quả tròn với cây có quả dài thu được F1 rồi tiếp tục cho F1 giao phấn với nhau tạo ra F2.

a. Lập sơ đồ lai từ P \rightarrow F2.

b. Cho F1 lai phân tích thì kết quả tạo ra sẽ như thế nào về tỉ lệ kiểu gen và tỉ lệ kiểu hình?

Câu 4: Một gen gốc chứa đoạn mạch có trình tự nuclêôtit là

... A – G – X – T – T – A – G – X – A ...

Xác định trình tự nuclêôtit tương ứng trên mạch bổ sung.

MÔN THỂ DỤC

- Bài thể dục liên hoàn

Loại đạt: Thực hiện được cơ bản đúng các động tác bài thể dục
(Có thể thi lý thuyết)

Loại chưa đạt: Thực hiện chưa đúng các động tác bài thể dục.

Không nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

MÔN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “Nụ cười”.
2. Hát bài “Bóng dáng một ngôi trường”.
3. Tập đọc nhạc số 2

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm
2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

Lịch kiểm tra giữa học kỳ I (có thể thay đổi theo thực tế nhà trường)

(Tuần 9,10 từ 01/10/2023 đến hết 10/11/2023)

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
	hai	30/10/2023	3-Sáng	Tin 6,7,8
9	ba	31/10/2023	2-Sáng	Công nghệ 6,7,8,9
	Tư	1/11/2023	3-Sáng	GDCD 6,7,8,9.
	Năm	2/11/2023	1 -Sáng	Địa 9
	Sáu	3/11/2023	1-Sáng	Sử 9.
			5- Sáng	HĐTN-HN 6,7,8
	Bảy	4/11/2023	1- Sáng	Sinh 9
10	Hai	6/11/2023	2-Sáng	Lý 8,9.
			2- Sáng (8h20—9h20)	Lịch sử &Địa lí 6,7 (60 phút)
	Ba	7/11/2023	1- Sáng	Hóa 9.
			1+2 Sáng	KHTN 6,7,8 (90 phút)
	Tư	8/11/2023	1+2- Sáng 3+4-Sáng	Văn 8,9 Văn 6,7
			14h00 đến 15h00 15h30 đến 16h30	Anh 6,7 (60 phút) Anh 8,9 (60 phút)
	Năm	9/11/2023	1+2 - Sáng	Toán 8,9
			3+4 - Sáng	Toán 6,7